

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SỸ
CHUYÊN NGÀNH LÂM HỌC (SILVICULTURE)
MÃ SỐ: 8620201

Trình độ đào tạo: Cao học
Chuyên ngành: LÂM HỌC
Tiếng Anh: SILVICULTURE
Mã ngành: 8620201

Đắk Lắk, năm 2017

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ	1
1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	1
2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 02 năm.....	2
3. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN TUYỂN SINH.....	2
4. CÁC MÔN THI TUYỂN.....	2
5. KHỐI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH.....	2
6. CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH, THỰC HÀNH.....	3
7. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP.....	3
8. THANG ĐIỂM	3
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	4
11. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN.....	9
12. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN.....	13
13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP	14
14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	17

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

Tên chương trình: Lâm học (Silviculture)

Trình độ đào tạo: Cao học

Ngành đào tạo: Lâm nghiệp (Forestry)

Loại hình đào tạo: Tập trung

(Ban hành theo Quyết định số 2626/QĐ-ĐHTN-ĐTSDH ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ khoa học lâm nghiệp theo định hướng ứng dụng có khả năng quản lý, nghiên cứu phát triển bền vững tài nguyên rừng.

1.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi kết thúc chương trình đào tạo, học viên có khả năng:

1.2.1. Về kiến thức

- Phân tích và ứng dụng được các kiến thức sinh thái, chức năng sinh thái của rừng, dịch vụ môi trường rừng, kỹ thuật lâm sinh, trong sử dụng, quản lý, nghiên cứu phát triển rừng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Xây dựng, thực hiện, giám sát và đánh giá các đề án nghiên cứu, dự án phát triển lâm nghiệp, quản lý và bảo tồn tài nguyên rừng chú trọng đến các giá trị cảnh quan, môi trường rừng;
- Phân tích chính sách, hiệu quả kinh tế trong lâm nghiệp để quản trị rừng và phát triển sinh kế cộng đồng gắn với rừng;
- Giảng dạy, phổ cập kiến thức lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững.

1.2.2. Về kỹ năng

- Có khả năng phát hiện được các giá trị của tài nguyên rừng phục vụ phát triển sản xuất lâm nghiệp; phát hiện, đề xuất, tham gia các nghiên cứu phục vụ thực tiễn nông lâm nghiệp tại địa phương; tham gia đề xuất quản lý các dự án đa ngành có liên quan đến lâm nghiệp;
- Phân tích chính sách và đề xuất, góp ý bổ sung, điều chỉnh chính sách cho phù hợp thực tiễn;
- Kỹ năng giao tiếp trong phát triển lâm nghiệp, quản lý tài nguyên rừng;

- Kỹ năng tích hợp ứng dụng kỹ thuật lâm học trong sản xuất nông lâm nghiệp trên quan điểm cảnh quan;
- Hiểu và sử dụng tốt tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực chuyên môn;
- Ứng dụng CNTT, kỹ thuật cao, thu thập bố trí thí nghiệm, phân tích thống kê, thiết bị máy móc trong lĩnh vực chuyên môn.

1.2.3. Năng lực tự chủ - trách nhiệm

- Định hướng, lập kế hoạch và tổ chức chỉ đạo, thực hiện, giám sát các hoạt động lâm sinh, bảo tồn, phát triển tài nguyên rừng ở đơn vị công tác;
- Thu hút, tập hợp, thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động, dự án lâm nghiệp;
- Tiếp cận, cập nhật kiến thức phù hợp với xu thế phát triển lâm nghiệp trong nước và trên thế giới, các vấn đề mới về chuyên môn, chính sách liên quan, phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu, tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo hướng bền vững
- Có quan điểm quản lý bảo vệ, sử dụng các giá trị nhiều mặt của hệ sinh thái rừng
- Nhạy bén trong tư duy sáng tạo và khả năng độc lập trong xử lý công việc chuyên môn về lâm nghiệp
- Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ lâm nghiệp ở vị trí công việc đảm nhiệm

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 02 năm

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN TUYỂN SINH

- Kỹ sư Lâm nghiệp hoặc Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường của các trường Đại học.
- Yêu cầu về thời gian công tác, xếp hạng tốt nghiệp được chuyển thẳng căn cứ theo Hướng dẫn tuyển sinh Sau Đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Số lượng tuyển khoảng 20 học viên/năm.
- Thời gian thi tuyển: Tổ chức mỗi năm một hoặc hai lần tùy theo điều kiện, vào tháng 4 và tháng 10 hàng năm.

4. CÁC MÔN THI TUYỂN

- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Môn cơ bản: Lâm học.
- Môn cơ sở: Trồng rừng

5. KHỐI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH

Tổng số tín chỉ: 60 TC

5.1. Kiến thức chung: 09 TC

- Triết học: 03 TC

- Tiếng Anh: 06 TC

5.2. Kiến thức cơ sở: 14 TC

- Bắt buộc: 10 TC
- Tự chọn: 04 TC

5.3. Kiến thức chuyên ngành: 27 TC

- Bắt buộc: 18 TC
- Tự chọn: 09 TC

5.4. Luận văn tốt nghiệp: 10 TC

6. CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH, THỰC HÀNH

6.1. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Thạc sỹ khoa học Lâm nghiệp, chuyên ngành Lâm học được xây dựng trên cơ sở Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2014/TT - BGD & ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; căn cứ vào nhu cầu và thực tiễn quản lý lâm nghiệp trong nước và trên cơ sở tham khảo các chương trình của các trường đại học trong và ngoài nước về đào tạo Cao học Lâm nghiệp.

6.2. Giáo trình, tài liệu

Giáo trình, sách, tài liệu phục vụ công tác giảng dạy và học tập dựa vào các giáo trình tài liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho bậc cao học và giáo trình, bài giảng của trường Đại học Tây Nguyên, đồng thời tham khảo để sử dụng tài liệu giáo trình, sách, kết quả nghiên cứu, tạp chí của các trường đại học trong và ngoài nước về lâm học.

6.3. Thực hành, kiến tập, thực tập

Các học phần có thực hành, thực tập được thực hiện đúng theo quy chế đào tạo sau đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Học viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sỹ ban hành kèm theo Quyết định số: 2603/QĐ – ĐHTN-ĐTSĐH ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

8. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sỹ ban hành kèm theo Quyết định số: 2603/QĐ – ĐHTN-ĐTSĐH ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Kiến thức chung: 09 TC (Bắt buộc: 09 – Tự chọn: 0.0)

STT	Mã MH	Tên môn học	Tín chỉ					Mã MH tiên quyết
			TS	LT	TH	BB	TC	
1.	TR811001	Triết học	3	3.0	0.0	3		
2.	TA810099	Tiếng Anh	6	6.0	0.0	6		
Tổng cộng			9	9.0	0.0	9	0.0	

9.2. Kiến thức cơ sở: 14 TC (Bắt buộc: 10 – Tự chọn: 04)

STT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ					Mã HP tiên quyết
			TS	LT	TH	BB	TC	
3.	LH811001	Tiếng Anh trong lâm nghiệp	4	2.0	0.0		4	
4.	LH811002	Di truyền và giống trong lâm nghiệp		1.5	0.5			
5.	LH811003	Sinh thái môi trường		1.5	0.5			
6.	LH811004	Công nghệ sinh học trong lâm nghiệp		1.5	0.5			
7.	LH811008	Sinh thái thực vật rừng nhiệt đới		1.5	0.5			
8.	LH811005	Phương pháp viết luận án và bài báo khoa học	2	1.5	0.5	2.0		
9.	LH811006	GIS và viễn thám trong lâm nghiệp	3	2.0	1.0	3.0		
10.	LH811007	Tin học thống kê trong lâm nghiệp	3	2.0	1.0	3.0		
11.	LH811009	Sinh thái rừng nhiệt đới	2	1.5	0.5	2.0		
Tổng Cộng			14			10	4	

9.3. Kiến thức chuyên ngành: 27TC (Bắt buộc: 18 – Tự chọn: 09)

STT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ					Mã HP tiên quyết
			TS	LT	TH	BB	TC	
12.	LH812004	Đa dạng sinh học	2	1.5	0.5	2.0		LH811009
13.	LH812005	Nông lâm kết hợp	2	1.5	0.5	2.0		LH811009
14.	LH812006	Quản lý sinh vật hại	2	1.5	0.5	2.0		
15.	LH812007	Sản lượng rừng	2	1.5	0.5	2.0		
16.	LH812009	Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ	2	1.5	0.5	2.0		
17.	LH812010	Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp	2	1.5	0.5	2.0		
18.	LH812011	Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới	2	1.5	0.5	2.0		
19.	LH812012	Quản lý bền vững rừng nhiệt đới	2	1.0	1.0	2.0		
20.	LH812015	Dịch vụ môi trường rừng	2	1.5	0.5	2.0		LH812004
21.	LH812001	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp	09	1.5	0.5		09	
22.	LH812002	Quản lý lửa rừng		1.0	0.0			
23.	LH812003	Quản lý sinh vật ngoại lai xâm lấn		1.0	0.0			
24.	LH812008	Phân tích kinh tế trong lâm nghiệp		1.5	0.5			
25.	LH812013	Rừng và sinh kế cộng đồng		1.5	0.5			
26.	LH812014	Kiến thức sinh thái địa phương trong lâm nghiệp		1.5	0.5			
27.	LH812016	Cây xanh đô thị		1.5	0.5			
28.	LH812017	Phân tích chính sách lâm nghiệp		1.5	0.5			
Tổng cộng			27			18	09	

9.4. Luận văn tốt nghiệp: 10 TC

STT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ					Mã HP tiên quyết
			TS	LT	TH	BB	TC	
29.	LH814999	Luận văn tốt nghiệp	10	0.0	10.0	10		
Tổng cộng			10			10	0	

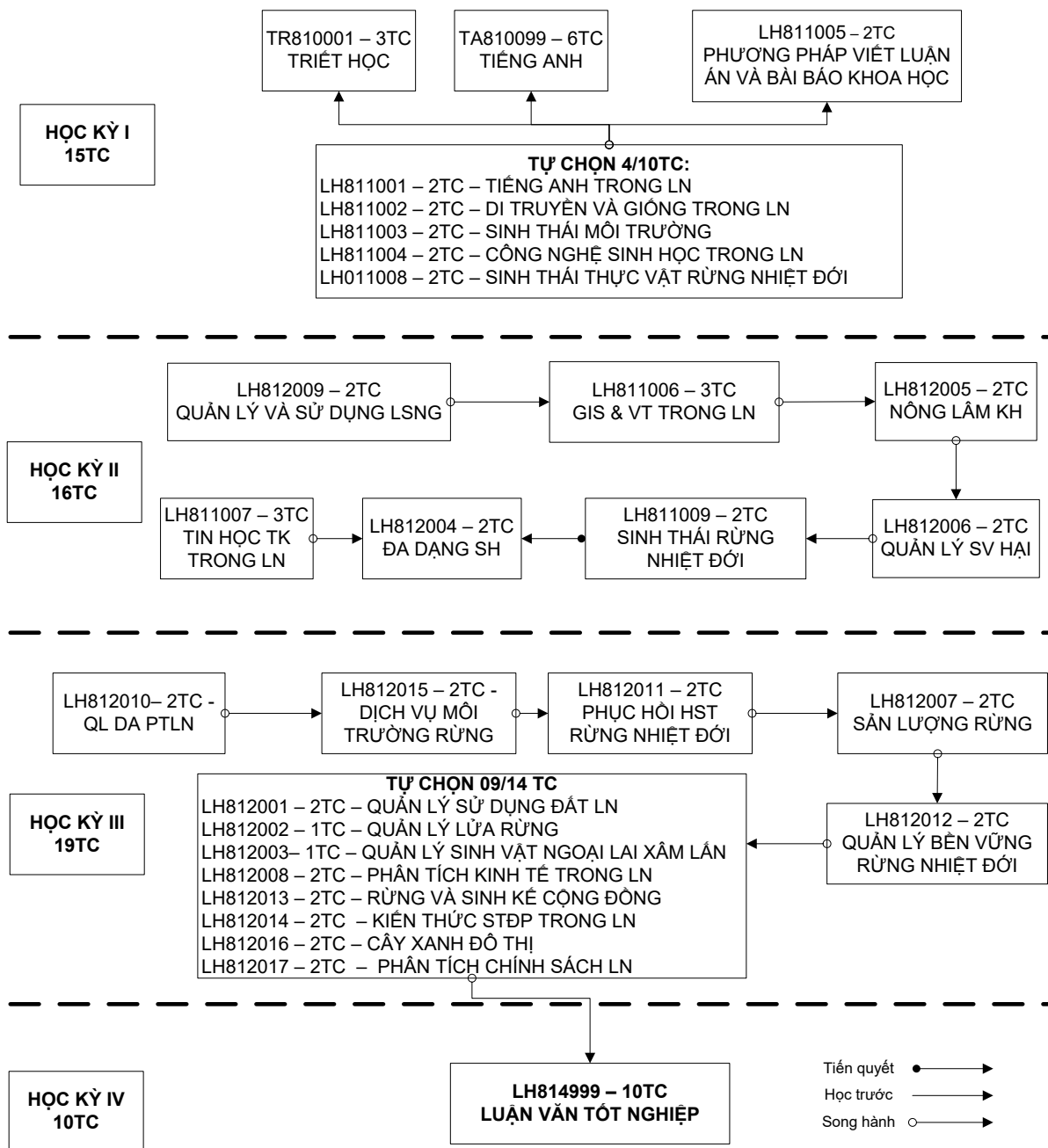
10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

- Học tất cả các học phần trong 3 học kỳ đầu.
- Luận văn tốt nghiệp trong học kỳ 4.

STT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ					HK	Khoa/Bộ môn giảng dạy
			TS	LT	TH	BB	TC		
Học kỳ 1									
1.	TR811001	Triết học	3	3.0	0.0	3.0		1	Khoa Lý luận chính trị
2.	TA810099	Tiếng Anh	6	6.0	0.0	6.0		1	Khoa Ngoại Ngữ
3.	LH811005	Phương pháp viết luận án và bài báo khoa học	2	1.0	1.0	2.0		1	PGS.TS. Bảo Huy
4.	LH811001	Tiếng Anh trong lâm nghiệp	4	2.0	0.0		4	1	PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hương
5.	LH811003	Sinh thái môi trường		1.5	0.5			1	PGS.TS Trần Trung Dũng
6.	LH811002	Di truyền và giống trong lâm nghiệp		1.5	0.5			1	PGS.TS. Dương Mộng Hùng
7.	LH811008	Sinh thái thực vật rừng nhiệt đới		1.0	1.0			1	Mời GV (PGS.TS.Bảo Huy)
8.	LH811004	Công nghệ sinh học trong lâm nghiệp		1.5	0.5			1	PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng
Tổng học kỳ 1			15			11	4		
Học kỳ 2									
9.	LH811009	Sinh thái rừng nhiệt đới	2	1.5	0.5	2.0		2	GS.TS. Võ Đại Hải
10.	LH811006	GIS và viễn thám trong lâm nghiệp	3	2.0	1.0	3.0		2	PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương
11.	LH811007	Tin học thống kê trong lâm nghiệp	3	2.0	1.0	3.0		2	PGS.TS. Bảo Huy
12.	LH812004	Đa dạng sinh học –	2	1.5	0.5	2.0		2	TS. Cao Thị Lý
13.	LH812005	Nông lâm kết hợp	2	1.5	0.5	2.0		2	TS. Võ Hùng
14.	LH812009	Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ	2	1.5	0.5	2.0		2	Mời PGS.TS. Đặng Đình Bôi

STT	Mã HP	Tên học phần	Tín chỉ					HK	Khoa/Bộ môn giảng dạy
			TS	LT	TH	BB	TC		
15.	LH812006	Quản lý sinh vật hại trong lâm nghiệp	2	1.5	0.5	2.0		2	Mời GS.TS. Phạm Quang Thu
Tổng học kỳ 2			16			16	0		
Học kỳ 3									
16.	LH812010	Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp	2	1.5	0.5	2.0		3	PGS.TS. Nguyễn Danh
17.	LH812015	Dịch vụ môi trường rừng	2	1.5	0.5	2.0		3	PGS.TS Bảo Huy
18.	LH812011	Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới	2	1.5	0.5	2.0		3	Mời: GS.TS. Võ Đại Hải
19.	LH812012	Quản lý bền vững rừng nhiệt đới	2	1.5	0.5	2.0		3	PGS.TS Bảo Huy
20.	LH812007	Sản lượng rừng	2	1.5	0.5	2.0		3	TS. Nguyễn Thanh Tân
21.	LH812008	Phân tích kinh tế trong lâm nghiệp	09	1.5	0.5		09	3	Mời TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm
22.	LH812001	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp		1.5	0.5			3	TS. Nguyễn Văn Sanh
23.	LH812002	Quản lý lửa rừng		1.0	0.0			3	Mời GS.TS. Phạm Quang Thu
24.	LH812003	Quản lý sinh vật ngoại lai xâm lấn		1.0	0.0			3	Mời GS.TS. Phạm Quang Thu
25.	LH812016	Cây xanh đô thị		1.5	0.5			3	Mời TS.Đình Quang Diệp
26.	LH812017	Phân tích chính sách lâm nghiệp		1.5	0.5			3	Mời TS. Nguyễn Quang Tân
27.	LH812013	Rừng và sinh kế cộng đồng		1.5	0.5			3	Mời TS. Nguyễn Quang Tân
28.	LH812014	Kiến thức sinh thái địa phương trong lâm nghiệp		1.5	0.5			3	TS. Võ Hùng
Tổng học kỳ 3			19			10	09		
Học kỳ 4									
29.	LH814999	Luận văn tốt nghiệp	10	0.0	10.0	10.0		4	
Tổng học kỳ 4			10			10	0		

Tiến trình đào tạo



11. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

11.1. Kiến thức chung

1. TR811001. Triết học. (3TC: 3 – 0 - 6).

Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Điều kiện hình thành, đặc điểm cơ bản và ảnh hưởng của các trào lưu triết học phương Tây, phương Đông đến sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội cũng như sự phát triển của khoa học trong lịch sử. Tiền đề ra đời, các giai đoạn hình thành và đặc điểm của triết học Mác – Lênin. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – cơ sở lý luận thế giới quan khoa học. Phép biện chứng duy vật – cơ sở phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Học thuyết hình thái kinh tế – xã hội – cơ sở lý luận để nhận thức và định hướng xây dựng xã hội tiến bộ. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là cơ sở để phân tích, điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế – xã hội. Học thuyết về giai cấp – cơ sở lý luận để phân tích và nhận thức mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại trong thời đại hiện nay. Học thuyết về nhà nước – cơ sở lý luận để nhận thức, vận dụng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Học thuyết về con người – cơ sở lý luận để nhận thức và vận dụng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao trong công nghiệp hoá, hiện đại. (1).

2. TA810099. Tiếng Anh. (6TC: 6 – 0 - 12).

Học phần này gồm 14 đơn vị bài học với các chủ đề: Cuộc sống hiện đại, Tương lai, Giao tiếp, Luật pháp, Du lịch, Giải trí, Thể thao, Sức khỏe, Thành đạt... Những chủ đề này được thể hiện thông qua những phương tiện ngữ pháp, từ vựng và cấu trúc như: các dạng thức thể và thì động từ (quá khứ, hiện tại, tương lai), các thành ngữ, đặc ngữ, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, các cấu trúc diễn đạt khả năng, lịch sự, chính kiến, đồng ý, phản đối...(1).

11.2. Kiến thức cơ sở

1. LH811001. Tiếng Anh trong lâm nghiệp. (2TC: 2.0 – 0.0 – 4).

The course of English for Forestry which is designed for graduate students of forestry includes 5 modules. The course supplies the learner with a variety of vocabulary and/ or terms related to the topic of each module. Each module is related to differing topics of forestry such as techniques, statistics applications, social forestry, and so on. (1)

2. LH811002. Di truyền và giống trong lâm nghiệp (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Giới thiệu cơ sở di truyền thực vật và ứng dụng trong giống cây lâm nghiệp.

Cơ sở tế bào và phân tử của di truyền. Khảo nghiệm loài và xuất xứ cây rừng. Xác định cây ưu việt. Lai hữu tính cây rừng. Nhân giống in vitro cây rừng. Xây dựng Rừng giống và Vườn giống. (1)

3. LH811003. Sinh thái môi trường (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Các nguyên lý sinh thái học cơ bản cần cho việc quản lý, bảo vệ và khôi phục các tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Các hệ sinh thái. Việc sử dụng hợp lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên (nước, đất, không khí, rừng...). Liên quan giữa sinh thái học và bảo vệ môi trường đến sự phát triển bền vững tài nguyên rừng (1)

4. LH811004. Công nghệ sinh học trong lâm nghiệp (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Giới thiệu về kỹ thuật di truyền và ứng dụng; Thực vật chuyển gene, các cây trồng biến đổi gene (GMO) trong nông nghiệp, lâm nghiệp: tiềm năng, cơ hội và thách thức; Công nghệ nuôi cấy tế bào trong nhân giống cây trồng; nhân sinh khối tế bào; nuôi cấy tế bào thu hợp chất thứ cấp; Công nghệ tế bào trần; công nghệ nuôi cấy bao phấn; Công nghệ sinh học trong kiểm soát sâu bệnh. (1)

5. LH811005. Phương pháp viết luận án và bài báo khoa học (2TC: 1.0 – 1.0 – 6).

Định dạng bài báo, luận án. Phương pháp viết bài báo khoa học quốc tế. Phương pháp viết luận văn thạc sĩ (1)

6. LH811006. GIS và Viễn thám trong lâm nghiệp (3TC: 2.0 – 1.0 – 6).

Phương pháp thu thập, phân tích dữ liệu bằng các thiết bị và kỹ thuật của GIS. Vận dụng công nghệ này trong quản lý tài nguyên rừng. (2)

7. LH811007. Tin học thống kê trong lâm nghiệp (3TC: 2.0 – 1.0 – 6).

Ứng dụng các phần mềm Statgraphics, SPSS trong phân tích dữ liệu lâm nghiệp. Ước lượng, so sánh các mẫu. Thống kê phi tham số. Phân tích mô hình hồi quy đa biến trong lâm nghiệp. Thống kê chuyên đề trong lâm nghiệp (2)

8. LH811008. Sinh thái thực vật rừng nhiệt đới (2TC: 1.0 – 1.0 – 6).

Khái niệm sinh thái thực vật rừng. Các nhân tố sinh thái thực vật rừng. Cách điều tra, lập bản đồ, xác định các nhân tố sinh thái thực vật rừng (1)

9. LH811009. Sinh thái rừng nhiệt đới (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Những nguyên lý sinh thái học và cấu trúc rừng nhiệt đới. Phân tích và đề xuất các phương thức lâm sinh hợp lý theo hướng phát triển rừng nhiệt đới bền vững. (2)

11.3. Kiến thức chuyên ngành

1. LH812001. Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp. (2TC: 1,5-0,5-4)

Giới thiệu một số chính sách liên quan đến quản lý tài nguyên rừng; quy hoạch sử dụng đất; giao đất rừng cho hộ gia đình; phương pháp đánh giá đất lâm nghiệp; phương thức quản lý rừng tự nhiên và sử dụng đất lâm nghiệp tổng hợp (3)

2. LH812002. Quản lý lửa rừng (1TC: 1,0 – 0,0- 2)

Khái quát về những thiệt hại do cháy rừng, phân tích nguyên nhân, phân loại cháy rừng và đánh giá những bất cập trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng ở nước ta hiện nay. Các phương pháp dự báo cháy rừng; biện pháp phòng và chữa cháy rừng có hiệu quả. (3)

3. LH812003. Quản lý sinh vật ngoại lai xâm lấn (1TC: 1,0 – 0.0- 2)

Khái quát về những thiệt hại do sinh vật ngoại lai xâm hại rừng ở trong và ngoài nước; Giới thiệu đặc điểm nhận biết, đặc điểm sinh học, sinh thái của một số loài ngoại lai xâm hại rừng chính bao gồm các loài ngoại lai là thực vật, côn trùng và sinh vật gây bệnh. Biện pháp quản lý các loài sinh vật ngoại lai xâm hại rừng. (3)

4. LH812004. Đa dạng sinh học (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Tổng quan về đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học. Bảo tồn habitat loài động thực vật. Sử dụng bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học. Giám sát và đánh giá đa dạng sinh học trong bảo tồn và quản lý rừng bền vững. (2).

5. LH812005. Nông lâm kết hợp (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Tổng quan về Nông lâm kết hợp. Kỹ thuật và mối quan hệ trong hệ thống Nông lâm kết hợp. Nông lâm kết hợp trên cơ sở cảnh quan. Các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường trong NLKH. Phát triển và đánh giá hệ thống Nông lâm kết hợp (2)

6. LH812006. Quản lý sinh vật hại trong lâm nghiệp (2TC: 1.5 – 0.5 - 4).

Khái quát về những thiệt hại do sâu, bệnh hại đối với thực vật ở trong và ngoài nước; Giới thiệu đặc điểm nhận biết, đặc điểm sinh học các loài sâu, bệnh hại chính cây rừng ở vườn ươm và rừng trồng đối với các loài cây trồng rừng chính hiện nay. Giới thiệu biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) đối với các loài sâu, bệnh hại chính ở vườn ươm và rừng trồng. (2)

7. LH812007. Sản lượng rừng (2TC: 1.5 – 0.5 - 4).

Khái niệm sản lượng rừng. Phân chia cấp đất. Mô hình hóa các nhân tố sản lượng rừng. Lập biểu sản lượng rừng. Lập và ứng dụng phần mềm dự đoán sản lượng rừng. (3)

8. LH812008. Phân tích kinh tế trong lâm nghiệp (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Môn học cung cấp cơ sở khoa học của các nguồn lực kinh tế trong lâm nghiệp; Khái niệm, bản chất và phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế lâm nghiệp; Vai trò phân tích kinh tế trong lâm nghiệp; Nội dung, phương pháp và các công cụ phân tích kinh tế lâm nghiệp. (3)

9. LH812009. Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Giới thiệu về phân loại LSNG theo mục đích sử dụng. Sử dụng một số công cụ điều tra đánh giá LSNG. Biện pháp quản lý lâm sản ngoài gỗ ở Việt Nam. (2)

10. LH812010. Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Chu trình quản lý dự án. Phát hiện dự án. Lập dự án hướng mục tiêu. Tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá dự án lâm nghiệp. Ứng dụng phần mềm OpenProject để quản lý dự án. (3)

11. LH812011. Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới (2 TC: 2 – 1,5 – 4)

Giới thiệu cho các học viên cao học hiểu rõ và nhận diện được thế nào là suy thoái các hệ sinh thái rừng, thực trạng suy thoái rừng hiện nay, các nguyên nhân dẫn

tới suy thoái rừng, hệ quả của suy thoái rừng, quan điểm và cách tiếp cận trong phục hồi hệ sinh thái rừng, các giải pháp kỹ thuật cơ bản trong phục hồi hệ sinh thái rừng; Các chương trình, dự án và chính sách phục hồi rừng ở Việt Nam giai đoạn 1986 đến nay; Những xu hướng và cách tiếp cận mới về phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới hiện nay. (3)

12. LH812012. Quản lý bền vững rừng nhiệt đới (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Khái niệm quản lý rừng bền vững. Khái niệm chứng chỉ rừng. Thực hiện quản lý rừng bền vững theo ba khía cạnh kinh tế - xã hội – môi trường. Các nguyên tắc, tiêu chuẩn cấp chứng chỉ rừng của FSC (3)

13. LH812013. Rừng và sinh kế cộng đồng (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức cần thiết về sinh kế lâm nghiệp, vai trò của sinh kế lâm nghiệp cho cộng đồng và các kỹ năng cần thiết về phân tích và phát triển sinh kế. Các nội dung chính bao gồm 1) Vai trò của rừng và sinh kế lâm nghiệp, 2) Các nguồn sinh kế từ rừng cho cộng đồng, 3) Sinh kế và bảo tồn, 4) Phân tích sinh kế, 5) Giảm nghèo trong bối cảnh lâm nghiệp, và 6) thị trường và phát triển doanh nghiệp lâm nghiệp cấp cộng đồng. (3)

14. LH812014. Kiến thức sinh thái địa phương trong LN (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Khái niệm kiến thức sinh thái địa phương – LEK. Phương pháp tiếp cận LEK. Ứng dụng phần mềm WinAKT trong quản lý LEK trong lâm nghiệp. (3)

15. LH812015. Dịch vụ môi trường rừng. (2TC: 1.5 – 0.5 – 4).

Khái niệm dịch vụ môi trường rừng. Lượng hóa các giá trị dịch vụ môi trường. (3)

16. LH812016. Cây xanh đô thị (2TC: 1,5 – 0,5 – 4)

Giới thiệu về cây xanh đô thị; vai trò chức năng của cây xanh trong các đô thị, điều kiện sinh trưởng của chúng, các loại hình cây xanh đô thị, tiêu chuẩn cây trồng đô thị, các giải pháp kỹ thuật ứng dụng cho cây xanh đô thị, quản lý và phát triển hệ thống cây xanh đô thị. (3)

17. LH812017. Phân tích chính sách lâm nghiệp (2TC: 1,5 – 0,5 – 4)

Học phần này cung cấp cho học viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết về phân tích chính sách lâm nghiệp. Các nội dung chính bao gồm 1) Giới thiệu về chính sách lâm nghiệp và các phương pháp tiếp cận khác nhau trong phân tích chính sách lâm nghiệp, 2) chính sách và thể chế lâm nghiệp, 3) các biện pháp và công cụ phân tích chính sách, 4) các bước trong tiến trình phân tích chính sách, 5) cách viết đề cương nghiên cứu (phân tích) chính sách, và 6) cách viết một bản tin chính sách (policy brief). (3)

12. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

Trường đại học Tây Nguyên có đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu có khả năng đáp ứng việc giảng dạy khoảng 2/3 các học phần của chương trình đào tạo Cao học chuyên ngành Lâm học.

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Ngành đào tạo	Học phần
1.	ThS. Trần Khải Định	1952	TS	Triết học Mac Lê Nin	Triết học
2.	Y Trou Aleo	1959	TS	Anh Văn	Tiếng Anh
3.	Trần Trung Dũng		PGS.TS	Nông học	Sinh thái môi trường Quản lý sử dụng đất Lâm nghiệp (1HP)
4.	Dương Mộng Hùng (mời)		PGS.TS	Lâm nghiệp	Di truyền và giống trong Lâm nghiệp
5.	Nguyễn Anh Dũng		PGS.TS	Sinh học	Công nghệ sinh học trong lâm nghiệp
6.	Mời GV ở Viện hàn lâm KHLNVN)		PGS.TS	Lâm nghiệp	Sinh thái thực vật rừng nhiệt đới
7.	Bảo Huy		PGS.TS	Lâm nghiệp	Phương pháp viết luận án và bài báo khoa học Tin học thống kê trong lâm nghiệp Dịch vụ môi trường rừng Quản lý bền vững rừng nhiệt đới
8.	Nguyễn Văn Sanh		TS	Nông nghiệp	Quản lý sử dụng đất Lâm nghiệp
9.	Nguyễn Thị Thanh Hương		PGS.TS	Lâm nghiệp	Tiếng Anh trong Lâm nghiệp GIS và viễn thám trong lâm nghiệp
10.	Võ Đại Hải		GS.TS	Lâm nghiệp	Sinh thái rừng nhiệt đới Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới
11.	Cao Thị Lý		TS	Lâm nghiệp	Đa dạng sinh học
12.	Võ Hùng		TS	Lâm nghiệp	(Phương pháp viết luận án và bài báo khoa học) Nông lâm kết hợp Kiến thức sinh thái địa

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Ngành đào tạo	Học phần
					phương trong lâm nghiệp
13.	Đặng Đình Bôi (mời)		PGS.TS	Lâm nghiệp	Quản lý sử dụng lâm sản ngoài gỗ
14.	Phạm Quang Thu (mời)		GS.TS	Lâm nghiệp	Quản lý sinh vật hại trong lâm nghiệp Quản lý sinh vật ngoại lai xâm lấn
15.	Nguyễn Danh (mời)		PGS.TS	Lâm nghiệp	Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp
16.	Nguyễn Thanh Tân		TS	Lâm nghiệp	Sản lượng rừng
17.	Tuyết Hoa Niê Kđăm		TS	Kinh tế	Phân tích kinh tế trong lâm nghiệp
18.	Phạm Quang Thu (mời)		PGS.TS	Lâm nghiệp	Quản lý lửa rừng
19.	Đinh Quang Diệp (mời)		TS	Lâm nghiệp	Cây xanh đô thị
20.	Nguyễn Quang Tân (mời)		TS	Lâm nghiệp	Phân tích chính sách lâm nghiệp Rừng và sinh kế cộng đồng

13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

13.1. Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính

Sử dụng các phòng thí nghiệm hiện có của các khoa Nông Lâm, KHTN và CN trong trường. Đã có các phòng thí nghiệm, thực hành sau phục vụ cho đào tạo:

TT	Tên Phòng thí nghiệm	Số lượng	Diện tích/phòng (m ²)
1.	Phòng thí nghiệm sinh học	01	60
2.	Phòng thí nghiệm sinh lý	01	65
3.	Phòng thí nghiệm sinh hoá	01	65
4.	Phòng thí nghiệm di truyền	01	70
5.	Phòng thí nghiệm Nông hoá thổ nhưỡng	01	70
6.	Phòng thí nghiệm Bảo vệ thực vật	01	90
7.	Phòng thí nghiệm Lâm sinh	01	80
8.	Phòng thí nghiệm Quản lý tài nguyên rừng & Môi trường	01	90
9.	Trại thực nghiệm Nông Lâm nghiệp	01	5500

13.2. Thư viện

Trung tâm tư liệu và thư viện trường sẽ thu thập và cung cấp giáo trình, bài giảng, sách tham khảo. Sử dụng giáo trình, bài giảng và các loại tài liệu tham khảo khác do cán bộ giảng dạy của trường biên soạn hoặc của các trường khác trong và ngoài nước.

13.3. Địa bàn thực tập

Trường đóng trên địa bàn Tây Nguyên nên có nhiều thuận lợi trong tổ chức thực tập giáo trình trên hiện trường. Địa điểm thực tập là các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, công ty lâm nghiệp, địa phương ở các tỉnh Tây Nguyên.

13.4. Giáo trình, tập bài giảng

Stt	Tên sách giáo trình/ bài giảng	Tác giả	Năm Xuất bản	Nhà Xuất bản
1.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	1999	NXB Khoa học kỹ thuật
2.	Bài giảng hoá sinh thực vật	Nguyễn Anh Dũng	2000	Tài liệu lưu hành nội bộ trường ĐH Tây Nguyên
3.	Hoá sinh hiện đại	Nguyễn Tiến Thắng; Nguyễn Đình Huyền	2000	NXB Giáo dục
4.	Bài giảng công nghệ sinh học	Nguyễn Anh Dũng	2000	Tài liệu lưu hành nội bộ trường ĐH Tây Nguyên
5.	Những kiến thức cơ bản về công nghệ sinh học	Nguyễn Văn Uyển Nguyễn Tiến Thắng	1997	NXB Nông nghiệp
6.	Bài giảng Sinh lý thực vật	Phan Văn Tân	2007	Tài liệu lưu hành nội bộ ĐH Tây Nguyên
7.	Cây gỗ rừng Việt Nam (tập 1, 2, 3)	Viện Điều tra quy hoạch rừng	2004	Viện Điều tra quy hoạch rừng
8.	Cây cỏ Việt Nam	Phạm Hoàng Hộ	1992	Khoa học kỹ thuật
9.	Cải thiện giống cây rừng	Lê Đình Khả và CTV	1997	ĐH Lâm nghiệp
10.	Bảo tồn nguồn gen cây rừng	Nguyễn Hoàng Nghĩa	1997	Nông nghiệp
11.	Kỹ thuật giống cây rừng	Ngô Quang Đê	1981	Nông nghiệp
12.	Cơ sở chọn giống và nhân giống cây rừng	Ngô Quang Đê	1985	Nông nghiệp
13.	Bài giảng Lâm nghiệp xã hội	Nhóm giảng viên	2002	Chương trình LNXH

Stt	Tên sách giáo trình/ bài giảng	Tác giả	Năm Xuất bản	Nhà Xuất bản
14.	Bài giảng Lâm sản ngoài gỗ	Nhóm giảng viên	2003	Chương trình LNXH
15.	Cây cỏ có ích ở Việt Nam	Võ Văn chi và Trần Hợp	1999	Giáo dục Tp HCM
16.	Tổng quan ngành lâm sản ngoài gỗ Việt Nam	Vũ Văn Dũng	2002	Dự án LSNG
17.	Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam	Đỗ Tất Lợi	1991	KH và KT Hà Nội
18.	Giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm	Rudolf Batliner	2002	Nông nghiệp
19.	Bài giảng Nông lâm kết hợp	Võ Hùng	2014	Tài liệu lưu hành nội bộ ĐH Tây Nguyên
20.	Bài giảng Đa dạng sinh học	Cao Thị Lý	2017	Tài liệu lưu hành nội bộ ĐH Tây Nguyên
21.	Cơ sở sinh học bảo tồn		1999	KHKT
22.	GIS và Viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng	Bảo Huy	2009	Nxb. Tổng hợp Tp. HCM
23.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Phạm Viết Vượng	2000	Đại học QG Hà Nội
24.	Phương pháp tiếp cận khoa học	Bảo Huy	2008	Tài liệu lưu hành nội bộ ĐH Tây Nguyên
25.	Bài giảng Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp	Bảo Huy	2008	Tài liệu lưu hành nội bộ ĐH Tây Nguyên
26.	Bài giảng Quy hoạch sinh thái cảnh quan rừng	Bảo Huy	2008	Tài liệu lưu hành nội bộ ĐH Tây Nguyên
27.	Bài giảng Côn trùng lâm nghiệp	Nguyễn Xuân Thanh	2004	Tài liệu lưu hành nội bộ ĐH Tây Nguyên
28.	Bài giảng Sản lượng rừng	Nguyễn Thanh Tân	2014	Tài liệu lưu hành nội bộ ĐH Tây Nguyên
29.	Đất lâm nghiệp	Hà Quang Khải, Đỗ Đình Sâm, Đỗ Thanh Hoa	2002	Nông nghiệp
30.	Giáo trình cải thiện giống cây rừng	Lê Đình Khả	1996	Trường Đại học Lâm Nghiệp

Stt	Tên sách giáo trình/ bài giảng	Tác giả	Năm Xuất bản	Nhà Xuất bản
31.	Phương pháp giao đất giao rừng có sự tham gia	Bảo Huy	2006	Nhà in tỉnh Đắk Nông
32.	Bài giảng Tin học thống kê trong lâm nghiệp	Bảo Huy	2017	Tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Tây Nguyên
33.	Bài giảng Điều chế rừng	Bảo Huy	2008	Tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Tây Nguyên
34.	Hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng	Bảo Huy	2008	Bộ NN & PTNT, SDC/Helvetas, GTZ, JICA
35.	Bài giảng Kiến thức sinh thái đại phương (LEK) trong lâm nghiệp	Võ Hùng	2015	Tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Tây Nguyên
36.	Bài giảng Dịch vụ môi trường rừng	Bảo Huy	2016	Tài liệu lưu hành nội bộ Đại học Tây Nguyên
37.	Thống kê tin học trong lâm nghiệp	Bảo Huy	2017	Giáo trình. Nxb Khoa học và Kỹ thuật
38.	Phương pháp thiết lập và thẩm định chéo mô hình ước tính sinh khối cây rừng	Bảo Huy	2017	Sách chuyên khảo. Nxb Khoa học và Kỹ thuật

14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo tất cả các học phần diễn ra trong 3 học kỳ đầu tiên, học kỳ 4 để thực hiện luận văn tốt nghiệp. Tuy nhiên để có thời gian chuẩn bị và thực hiện tốt luận văn tốt nghiệp, học viên được đăng ký đề tài tốt nghiệp vào cuối học kỳ 2.

Học viên chỉ được bảo vệ luận văn khi có đủ các điều kiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT - BGD & ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đắk Lắk, ngày... tháng... năm 2017

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **TRIẾT HỌC**
- Mã học phần: TR811001
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Tổng số tín chỉ: 03 ((3.0/0.0))

3. Trình độ: Học viên cao học khoa học cây trồng năm thứ 1 (học kỳ 1)

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 45 tiết
- Thực hành: 0 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Kiến thức: Nắm được những nội dung cơ bản của chương trình cũng như của từng bài học.

Nhận thức: Nắm được nội dung cơ bản của triết học cũng như hiểu được tính khoa học, tính thực tiễn và tính phương pháp của triết học Mác – Lênin để làm cơ sở cho nhận thức và hoạt động.

Kỹ năng: Biết vận dụng các kiến thức triết học đã học để xem xét, phân tích những vấn đề thực tiễn và lý luận của đất nước nói chung, lĩnh vực hoạt động nói riêng; củng cố tư duy biện chứng duy vật góp phần hình thành phong cách của nhà khoa học, nhà quản lý và hoạt động chính trị – xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

7. Mô tả môn học

Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Điều kiện hình thành, đặc điểm cơ bản và ảnh hưởng của các trào lưu triết học phương Tây, phương Đông đến sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội cũng như sự phát triển của khoa học trong lịch sử. Tiền đề ra đời, các giai đoạn hình thành và đặc điểm của triết học Mác – Lênin. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – cơ sở lý luận thế giới quan khoa học. Phép biện chứng duy vật – cơ sở phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Học thuyết hình thái kinh tế – xã hội – cơ sở lý luận để nhận thức và định hướng xây dựng xã hội tiến bộ. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là cơ sở để phân tích, điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế – xã hội. Học thuyết về giai cấp – cơ sở lý luận để phân tích và nhận thức mối quan hệ giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại trong thời đại hiện nay. Học thuyết về nhà nước – cơ sở lý luận để nhận thức, vận dụng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Học thuyết về con người – cơ sở lý luận để nhận thức và vận dụng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao trong công nghiệp hoá, hiện đại.

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp trên 48 tiết (vắng không quá 12 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 120 tiết
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.

Sách tham khảo

1. Chủ nghĩa duy vật biện chứng - Lý luận và vận dụng (1995), Nxb. Sách giáo khoa Mác - Lênin, Hà Nội.
2. Chủ nghĩa duy vật lịch sử - Lý luận và vận dụng (1995), Nxb. Sách giáo khoa Mác - Lênin, Hà Nội.
3. Nguyễn Hữu Vui (Chủ biên, 1998), Lịch sử Triết học, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 3 tập.
4. Lịch sử chủ nghĩa Mác (2003), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 4 tập.
5. Lịch sử phép biện chứng (1998), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 6 tập.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Viết tiểu luận, kiểm tra
- Thi hết học phần: 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung môn học:

STT	Chương/mục	Số tiết
1	Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội	
1.1	Khái luận triết học và đối tượng nghiên cứu của triết học	
1.2	Tính quy luật về sự hình thành, phát triển của triết học	
1.3	Vai trò của triết học trong đời sống xã hội	
2	Chương 2. Khái lược lịch sử triết học phương Đông	
2.1	Triết học Ấn Độ cổ, trung đại	
2.2	Triết học Trung Quốc cổ, trung đại	
2.3	Tư tưởng triết học Việt Nam trong lịch sử	
3	Chương 3. Khái lược lịch sử triết học phương Tây	
3.1	Triết học Hy Lạp cổ đại	
3.2	Triết học Hy Lạp cổ đại	
3.3	Triết học Tây Âu thời phục hưng và cận đại	
3.4	Triết học cổ điển Đức	
3.5	Một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại	
4	Chương 4. Khái lược lịch sử triết học Mác – Lênin	
4.1	Điều kiện ra đời của triết học Mác	
4.2	Những giai đoạn chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác – Lênin	
5	Chương 5. Chủ nghĩa duy vật biện chứng - cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học	
5.1	Thế giới quan và thế giới quan khoa học	
5.2	Nội dung, bản chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng với tư cách là hạt nhân của thế giới quan khoa học	
5.3	Những nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và việc vận dụng nó vào sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam giai đoạn hiện nay	
6	Chương 6. Phép biện chứng duy vật - Phương pháp luận nhận thức khoa học và thực tiễn	
6.1	Khái quát lịch sử phát triển của phép biện chứng và nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật	
6.2	Phương pháp và phương pháp luận. Một số nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật	
7	Chương 7. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của	

STT	Chương/mục	Số tiết
	triết học Mác- Lênin	
7.1	Phạm trù thực tiễn và phạm trù lý luận	
7.2	Những yêu cầu cơ bản của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn	
7.3	Ý nghĩa phương pháp luận của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong giai đoạn cách mạng hiện nay ở nước ta	
8	Chương 8. Lý luận hình thái kinh tế - xã hội với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	
8.1	Lý luận hình thái kinh tế - xã hội và vai trò phương pháp luận của lý luận đó	
8.2	Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	
9	Chương 9. Giai cấp, dân tộc, nhân loại trong thời đại hiện nay và vận dụng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	
9.1	Giai cấp và đấu tranh giai cấp	
9.2	Quan hệ giai cấp với dân tộc và nhân loại trong thời đại ngày nay	
10	Chương 10. Lý luận về nhà nước và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	
10.1	Những nội dung cơ bản của lý luận về nhà nước	
10.2	Nhà nước pháp quyền và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	
11	Chương 11. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người và vấn đề xây dựng con người Việt Nam hiện nay	
11.1	Một số quan điểm triết học phi mác-xít về con người	
11.2	Quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người	
11.3	Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người trong sự nghiệp cách mạng do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo	
11.4	Vấn đề xây dựng con người Việt Nam giai đoạn hiện nay	

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Trần Khải Định

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **TIẾNG ANH B1**
- Mã học phần: TA810099
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Tổng số tín chỉ: 06 ((6.0/0.0))

3. Trình độ: Học viên cao học khoa học cây trồng (Học viên có thể tự ôn và thi)

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 90 tiết
- Thực hành: 0 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Hỗ trợ một lượng kiến thức tiếng Anh để người học có thể tham khảo tài liệu chuyên môn phục vụ học tập và trao đổi khoa học

7. Mô tả môn học

Học phần này gồm 14 đơn vị bài học với các chủ đề: Cuộc sống hiện đại, Tương lai, Giao tiếp, Luật pháp, Du lịch, Giải trí, Thể thao, Sức khỏe, Thành đạt... Những chủ đề này được thể hiện thông qua những phương tiện ngữ pháp, từ vựng và cấu trúc như: các dạng thức thể và thì động từ (quá khứ, hiện tại, tương lai), các thành ngữ, đặc ngữ, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, các cấu trúc diễn đạt khả năng, lịch sự, chính kiến, đồng ý, phản đối...

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

Dự lớp: Dự học đầy đủ các giờ học trên lớp và làm đủ các bài kiểm tra định kỳ

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Lifelines Intermediate, *Tom Hutchinson, 1997*, sách bài học (Student's book) và sách bài tập (Workbook).

Sách tham khảo

1. Listening: Now Hear This, *Barbara H. Foley*
2. Speaking: Speaking Naturally, *Bruce Tillit, Mary Newton Bruder*
3. Reading: Faster Reading, *Gerald Mosback & Vivienne Mosback*
4. Writing: Writing Academic English, *Alice Oshim & Ann Hogue*
5. Tài liệu luyện thi TOEFL, TOEIC

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Viết tiểu luận, kiểm tra
- Thi hết học phần: 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung môn học

Unit (Bài học)	Grammar (Ngữ pháp)	Vocabulary (Từ vựng)	Reading (Đọc hiểu)	Listening & Speaking (Nghe & Nói)	Writing (Viết)	Extension (Mở rộng)
<i>Starting out</i> (2 tiết)	Introduction: Revision and Practice					
1: Modern Life (6 tiết)	The present simple, continuous, perfect	- Using a dictionary; - Idiomatic expressions	Modern manners	- Talking about your life; Commenting	Personal letters	- Personality adjectives; - Adverbs of frequency
2: Fortune	The past:	Dealing with	-I survived. -	Responding	Linking	Phrasal

Unit (Bài học)	Grammar (Ngữ pháp)	Vocabulary (Từ vựng)	Reading (Đọc hiểu)	Listening & Speaking (Nghe & Nói)	Writing (Viết)	Extension (Mở rộng)
(6tiết)	simple, continuous, perfect	new words	Synonyms	to news; Used to	words	verbs and idioms
3: Your Future (6tiết)	The future: <i>Will, going to</i> ; present continuous with future meaning	The weather	- 2050 Expressing probability; Word association	Asking about the weather; Making suggestions	Linking words	Would
4: Relationships (6tiết)	Relative clauses	Communicating	Successful small talk	Question tags	Paragraph organization	Season's greetings
5: The Law (6tiết)	The passive	Crime and the law	Sentenced to two years of fun	Reporting an incident	Linking words: sequence linkers	Who killed Harry Squires?
6: Travel (6tiết)	Conditionals: time clauses	Phrasal verbs	Culture clash ; synonyms	Checking-in problems	Linking words	A day out; working out meanings
7: Entertainment (6tiết)	Present perfect simple and continuous	Entertainment	I'm so lucky!	Stating your views; Expressing opinions	A review	Rock and roll will never die
KIỂM TRA (1 tiết)						
8: Time out (6tiết)	Question forms ; Indirect questions	Compound nouns : sports	Fit for life or fit to drop?	Making polite requests	Formal letters	Synonyms; Adjectival expressions with numbers
9: All in the mind? (6tiết)	-ing forms	Strong Adjectives	Coincidence: is it more than just a chance?	Agreeing and disagreeing	A ghost story	Memory
10: Your health (6tiết)	Modal verbs	Medical terms	What's good for you?	At the doctor's: polite enquiries	A letter of apology	Collocations
11: Priorities (6tiết)	Causative <i>have; Make, get, let</i>	Noun formations	Didi's story	Dealing with problems; <i>need+ -ing</i>	Punctuation	Joe's problem
12: News (6tiết)	Reported speech	Phrasal verbs	The soldier's tale	Here is the news	Reference	Monsters
13: Regrets (6tiết)	Third conditional	Colloquial expressions	The frogs	Talking about a	A letter of complaint	Is honesty always the

Unit (Bài học)	Grammar (Ngữ pháp)	Vocabulary (Từ vựng)	Reading (Đọc hiểu)	Listening & Speaking (Nghe & Nói)	Writing (Viết)	Extension (Mở rộng)
				holiday		best policy?
14: Success (6tiết)	Revision	Expressions with prepositions	What is Success?	Responding	Your personal preface	How happy are you? Synonyms
Revision (2tiết)						
KIỂM TRA (1 tiết)						

KHOA NGOẠI NGỮ

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. General information of credit

- Name of credit: **ENGLISH FOR FORESTRY**
- Code: LH811001
- Type of credit: Optional

2. Total credit: 2 (2.0)

3. Level: Graduate student in forestry, Forestry Major, the 1st year (the first semester)

4. Length of course:

30 periods in classroom

5. Prerequisite(s): Basic knowledge in the field of forestry such as silviculture, statistics in forestry, remote sensing and GIS, forest ecology, etc.

6. Course objectives

English for Forestry is a fundamental and basic course targeting to the learner's ability to use popular sentences and useful expressions in their daily professional duties or situations through their classroom activities and practice.

At the end of the course, the learner can acquire a big amount of necessary professional terminologies that can be useful in their both daily profession and researches.

The course's objectives also supply the learner with language skills which enable them to:

- Read comprehensively reading texts of both intensive and extensive purposes: report summary, journal abstracts, articles of forestry fields. Also, they can improve some reading-related sub-skills such as guessing word meaning or sentence meaning from context clues; inferring and referring
- Write paragraphs or essay, scientific paper abstract, reports about their profession, letters, and short journals, etc.

7. Course description

- Unit 1: Vocabulary of forestry of termination
- Unit 2: General understanding about tropical forest
- Unit 3: Technical materials in forestry
- Unit 4: Statistics materials in forestry
- Unit 5: Social materials of forestry

8. Responsibility of student

Attending lecture periods will enhance the students' understanding of the concepts and terms that will be applied in their work.

- Student have to attend the classroom at least 25 periods.
- Self-study: Students are required to arrange their own study and reference materials at home 60 periods
- Exercises / exercises: Complete exercises, assigned exercises

9. References

1. Annika Kangas and Matti Maltamo. 2006. Forest inventory: Methodology and Applications. Published by Springer, P.O. Box 17, 3300 AA Dordrecht, The Netherlands
2. Daniel manDallaz. 2008. Sampling Technique for forest inventory. Chapman & Hall/CRC Applied Environmental Statistics.
3. Erkki Tomppo, Markus Haakana, Matti Katila, and Jouni Peräsaari. 2008. Multi-Source National Forest Inventory. Springer Science.
4. K.M. Reynolds, A.J. Thomson, M. Köhl, M.A. Shannon, D. Ray and K. Rennolls. 2007. Sustainable forestry: from monitoring and modelling to knowledge management and policy science. Ama DataSet Ltd, UK
5. Evert W. Johnson. 2000. Forest Sampling Desk Reference. Boca Raton London New York Washington, D.C.
6. Richard Primack and Richard Corlett. 2005. Tropical rain forests. Blackwell Science Ltd.
7. Nguyen Thi Thanh Huong. 2011. Forestry Remote Sensing: Using multi-data source for inventory of natural broad-leaved evergreen forests in the Central Highlands of Vietnam. Lambert Academic Publishing.
8. Nguyen Thi Thanh Huong. 2016. Mapping tropical forest for sustainable management using SPOT 5 satellite image. Int. Arch. Photogramm. Remote Sens. Spatial Inf. Sci., XLI-B7, 335-340.
9. Wim H. Bakker, Lucas L. F. Janssen, Colin V. Reeves, Ben G. H. Gorte, Christine Pohl, Michael J. C. Weir, John A. Horn, Anupma Prakash, and Tsehai Woldai. 2001. Principles of Remote Sensing. The International Institute for Aerospace Survey and Earth Sciences (ITC), The Netherlands.
10. Jens Friis Lund, 2015. Paradoxes of participation: The logic of professionalization in participatory forestry. Forest Policy and Economics 62, 1-6.
11. Bob Baulch, Hoa Thi Minh Nguyen, Phuong Thu Thi, Phuong, Hung Thai Pham. 2010. Ethnic minority poverty in Vietnam. Chronic Poverty Research Centre.

10. Evaluation

- Attending lecture: 10%
- Assignments: 20%
- Final exam : 70%

11. Grading

Attending lecture, assignment and final exam are graded upto 10 marks.

12. Course contents

STT	Contents	Số tiết
1	Unit1: Vocabulary of forestry termination	5
2	Unit 2: General understanding about tropical forest - Reading comprehension papers, articles and thesis related to tropical forest	7

STT	Contents	Số tiết
	- Writing summary of specific topics	
3	Unit 3: Technical materials in forestry - Reading comprehension of papers, articles and thesis related to technical issues of forestry: forest inventory, Sampling Technique for forest inventory, remote sensing and GIS, etc. - Writing a summary of specific topics related to technical issues of forestry.	5
4	Unit 4: Statistics materials in forestry - Reading comprehension papers, articles, book and thesis related to statistics of forestry: modelling, sampling technique for forest inventory, etc. - Writing report of given statistics analysis.	8
5	Unit 5: Social materials of forestry - Reading comprehension papers, articles, book and thesis related to social forestry - Writing a summary of specific topics related to social forestry.	5

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Thanh Tân

PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **DI TRUYỀN & GIỐNG TRONG LÂM NGHIỆP**
- Mã học phần: LH811002
- Loại học phần: Tự chọn

2. Số tín chỉ: 2 (1,5/0,5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp, năm thứ 1 (học kỳ 1)

4. Phân bố thời gian

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực hành/thảo luận: 14 tiết ($7 \times 2 = 14$)

5. Học phần tiên quyết

6. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Hiểu được cơ sở di truyền của các giải pháp kỹ thuật CẢI THIẾN GIỐNG CÂY RỪNG, vai trò của GIỐNG CÂY RỪNG trong lâm nghiệp.
- Nắm được các giải pháp kỹ thuật cải thiện giống cây rừng và ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật cải thiện giống cây rừng trong thực tiễn sản xuất lâm nghiệp

7. Mô tả các nội dung học phần

- Chương 1: Những nội dung chính của Di truyền & Giống trong lâm nghiệp
- Chương 2: Cơ sở tế bào và phân tử của di truyền
- Chương 3: Khảo nghiệm loài và xuất xứ cây rừng
- Chương 4: Xác định ưu việt
- Chương 5: Lai hữu tính cây rừng
- Chương 6: Nhân giống cây rừng in vitro
- Chương 7: Xây dựng Rừng giống và Vườn giống

8. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 30 tiết (vắng không quá 7 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập, thực hành được giao

9. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

1. Lê Đình Khả- Dương Mộng Hùng . Giống cây rừng . 2003 . Giáo trình Đại học Lâm nghiệp. NXB Nông Nghiệp
2. Dương Mộng Hùng .Nhân giống cây rừng . Giáo trình Đại học Lâm nghiệp. NXB Nông Nghiệp

Sách tham khảo chính

1. Lê Đình Khả. 2004. Lai hữu tính cây rừng , NXB Nông Nghiệp
2. Dương Mộng Hùng-Nguyễn Hữu Huy-Lê Đình Khả.1992 Giống cây rừng. Giáo trình Đại Học Lâm Nghiệp
3. Trần Tú Ngà .1990. Di truyền học . Đại Học Nông Nghiệp I

4. Wright , J. W. 1976. Introduction to forest genetics . Akademik Press. New York
5. Zobel D., Talbert J. 1984. Applied Forest Tree Improvement . J.Wiley and Sons. New York

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm đánh giá phần thực hành/thảo luận: 30%
- Đánh giá điểm thi hết môn bằng hình thức tự luận: 70%

11. Thang điểm

Phần thực hành/thảo luận và kiểm tra/thi đánh giá theo thang điểm 10

12. Nội dung chi tiết học phần

STT	Chương/mục	Số tiết
1	Chương 1: Những nội dung chính của Di truyền & Giống trong lâm nghiệp	3
2	Chương 2: Cơ sở tế bào và phân tử của di truyền - Cơ sở tế bào : cấu trúc tế bào thực vật- Phâm bào nguyên phân và giảm phân - Cơ sở phân tử : Cấu trúc và hoạt động của ADN	5
3	Chương 3: Khảo nghiệm loài và xuất xứ cây rừng - Khái niệm Loài và Xuất xứ cây rừng. Khảo nghiệm Loài và xuất xứ. - Khảo nghiệm Loài - Khảo nghiệm Xuất Xứ - Thành tựu khảo nghiệm loài và Xuất xứ cây rừng ở Việt Nam	3
4	Chương 4: Xác định cây ưu việt - Khái niệm <i>Cây ưu việt</i> - Phương pháp xác định cây ưu việt : - Một số thành tựu xác định cây ưu việt ở Việt Nam	5
5	Chương 5: Lai hữu tính cây rừng - Khái niệm Lai hữu tính. Lai xa. Lai gần - Phương pháp lai hữu tính - Kỹ thuật lai hữu tính cây rừng - Một số thành tựu ở Việt Nam	5
6	Chương 6: Nhân giống in vitro cây rừng - Khái niệm - Phòng thí nghiệm nhân giống in vitro - Các bước nhân giống in vitro cây rừng - Thành tựu nhân giống in vitro cây rừng ở Việt Nam	5
7	Chương 7: Xây dựng Rừng giống & Vườn giống - Khái niệm Rừng giống & Vườn giống cây rừng - Các loại Rừng giống và Vườn giống cây rừng	7

STT	Chương/mục	Số tiết
	- Xây dựng Rừng giống - Xây dựng Vườn giống cây rừng - Thành tựu xây dựng Rừng giống và Vườn giống ở Việt Nam	

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Dương Mộng Hùng

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **SINH THÁI MÔI TRƯỜNG**
- Mã học phần: LH811003
- Loại học phần: Tự chọn

2. Tổng số tín chỉ: 2 (1.5/0.5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực hành: 15 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Kết thúc học phần học viên có khả năng:

- Trình bày các khái niệm, nguyên lý sinh thái học.
- Phân tích mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật ở các bậc tổ chức với sinh cảnh trong các hệ sinh thái
- Vận dụng thích hợp các nguyên lý sinh thái để quản lý, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, không khí, rừng..).

7. Mô tả môn học

Học phần bao gồm các nội dung 1) Hệ sinh thái; 2) Tài nguyên, môi trường và sự phát triển; 3) Sử dụng hợp lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên (đất, rừng, nước, không khí..)

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 38 tiết (vắng không quá 9 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006): Sinh thái môi trường. Nxb. Giáo dục

Sách tham khảo

Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Tuyên (1998): Sinh thái và môi trường. Nxb. Giáo dục
2. Nguyễn Thị Kim Thái, Lê Thị Hiền Thảo (2003): Sinh thái học và bảo vệ môi trường. Nxb Xây dựng.
3. Nguyễn Đức Khiêm (2001): Môi trường và phát triển. Nxb Khoa học và kỹ thuật
4. Lưu Đức Hải (2002): Cơ sở khoa học của môi trường. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra, thực hành: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương 1: Quần thể sinh vật	3	0
Chương 2: Quần xã sinh vật	4	0

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương 3: Hệ sinh thái	4	5
Chương 4: Tài nguyên, môi trường và sự phát triển	5	4
Chương 5: Sử dụng hợp lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên (đất, rừng, nước, không khí...)	7	6
Tổng cộng	23	15

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Trần Trung Dũng

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG LÂM NGHIỆP**
- Mã học phần: LH811004
- Loại học phần: Tự chọn

2. Tổng số tín chỉ: 2 (1.5/0.5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực hành: 15 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Trình bày được cơ sở khoa học của CNSH hiện đại trong công tác giống cây lâm nghiệp
- Ứng dụng những kỹ thuật CNSH trong thực tiễn công tác giống cây lâm nghiệp

7. Mô tả môn học

- Chương 1: Nuôi cấy mô tế bào thực vật
- Chương 2: Môi trường vật lý, hóa học, chất khí, bình nuôi cấy và thể gel trong nuôi cấy mô tế bào thực vật
- Chương 3: Phòng thí nghiệm nuôi cấy mô tế bào thực vật
- Chương 4: Các chất điều hòa sinh trưởng thực vật
- Chương 5: Cơ sở tế bào học của sinh trưởng và phát sinh hình thái
- Chương 6: Vi nhân giống thực vật bậc cao
- Chương 7: Ứng dụng công nghệ sinh học thực vật trong công tác giống cây trồng

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 38 tiết (vắng không quá 9 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập, thực hành được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Sách tham khảo

1. Academic Press. 1982 Plant improvement and somatic cell genetics.
2. Academic Press. 1985 Biotechnology in plant science.
3. Akademiai Kiado. 1976 Cell genetics in higher plants.
4. Brookhaven National Laboratory. 1973 Basic mechanisms in plant morphogenesis.
5. CRC.1994 Biotechnological applications of plant cultures.
6. CAB International. 1992. Biotechnology of perennial fruit crops.
7. CRC. 1993. Synseeds: applications of synthetic seeds to crop improvement.
8. Chapman and Hall. 1989. Tissue culture techniques for horticultural crops.
9. IPGRI-JIRCAS. 2000. Cryopreservation of tropical plant germplasm.
10. JIRCAS. 1993. Cryopreservation of plant genetic resources.
11. John Wiley and Sons. 1988 Application of plant cell and tissue culture.

12. FAO-CTA. 1989 Plant biotechnology for developing countries.
13. MrCutrhan 1974. Plant tissue culture. Publishing Corporation.
14. MacMillan. 1980-1986 Handbook of plant plant culture Vol 1-5.
15. Mac Millan. 1986. Hand book of plant cell culture.
16. MIR Publisher. 1985. Plant cell culture.
17. Malaysian Biochemical Society. 1993. Applications of plant invitro technology.
18. Narosa 1976. Applied and fundamental aspects of plant cell, tissue, and organ culture. Publishing House.
19. Ohio State Univ Press. 1977. Plant cell and tissue culture: principles and applications.
20. Praeger Scientific. 1982 Variability in plants regenerated from tissue culture.
21. Plenum Press. 1974 Genetic manipulations with plant material.
22. Secondary products from plant tissue culture. Oxford Science Publications. 1990
23. Springer-Verlag. 1984 Protoplast fusion.
24. UNESCO. 1993 Biotechnologies in developing countries: present and future.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương 1: Nuôi cấy mô tế bào thực vật	5	0
Chương 2: Môi trường vật lý, hóa học, chất khí, bình nuôi cấy và thể gel trong nuôi cấy mô tế bào thực vật	5	0
Chương 3: Phòng thí nghiệm nuôi cấy mô tế bào thực vật	5	0
Chương 4: Các chất điều hòa sinh trưởng thực vật	5	0
Chương 5: Cơ sở tế bào học của sinh trưởng và phát sinh hình thái	5	
Chương 6: Vi nhân giống thực vật bậc cao	5	
Chương 7: Ứng dụng công nghệ sinh học thực vật trong công tác giống cây trồng	7	

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Nguyễn Anh Dũng

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **PHƯƠNG PHÁP VIẾT LUẬN ÁN VÀ BÀI BÁO KHOA HỌC**
- Mã học phần: LH811005
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Tổng số tín chỉ: 2 (1/1)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Viết được bài báo trong nước
- Viết được luận văn thạc sĩ

7. Mô tả môn học

- Định dạng bài báo khoa học
- Cách viết bài báo khoa học
- Cách viết luận văn thạc sĩ

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 36 tiết (vắng không quá 9 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Bảo Huy, 2017. Phương pháp thiết lập và thẩm định chéo mô hình ước tính sinh khối cây rừng (Sách chuyên khảo). Nxb. Khoa học và kỹ thuật.

Sách tham khảo chính

1. Basuki, T.M.; Van Lake, P.E.; Skidmore, A.K.; Hussin, Y.A., 2009. Allometric equations for estimating the above-ground biomass in the tropical lowland Dipterocarp forests. For. Ecol. and Manag. 257(2009): 1684-1694. DOI 10.1016/j.foreco.2009.01.027.
2. Huy, B., Poudel K.P., Temesgen, H. 2016. Aboveground biomass equations for evergreen broadleaf forests in South Central Coastal ecoregion of Viet Nam: Selection of eco-regional or pantropical models. For. Ecol. and Mgmt. 376: 276-282.
3. Huy, B., Poudel, K.P., Kralicek, K., Hung, N.D., Khoa, P.V., Phuong, V.T., Temesgen, H. 2016. Allometric Equations for Estimating Tree Aboveground Biomass in Tropical Dipterocarp Forests of Viet Nam. Forests 2016, 7(180): 1-19.
4. Nguyễn Thị Quỳnh, 2016. Xác định nhân tố sinh thái ảnh hưởng đến sinh trưởng lan kim tuyến (*Anoectochilus formosanus* Hayata) trồng dưới tán rừng thường xanh ở tỉnh Lâm Đồng. Luận văn Thạc Sĩ Lâm nghiệp, Đại học Tây Nguyên.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Định dạng bài báo khoa học	0.5	
Định dạng luận văn thạc sĩ lâm nghiệp	0.5	
Bài báo khoa học - Đặt vấn đề - Vật liệu và phương pháp nghiên cứu - Kết quả - Thảo luận - Kết luận - Tài liệu tham khảo	7	15
Luận văn thạc sĩ lâm nghiệp: - Mở đầu: Đặt vấn đề, mục tiêu nghiên cứu - Tổng quan vấn đề nghiên cứu - Đối tượng – Nội dung và phương pháp nghiên cứu - Kết quả - Thảo luận - Kết luận – Kiến nghị - Tài liệu tham khảo - Phụ lục	7	15
Tổng cộng	15	30

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI SOẠN ĐỀ CƯƠNG

PGS.TS. Bảo Huy

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **GIS VÀ VIỄN THÁM TRONG LÂM NGHIỆP**
- Mã học phần: LH811006
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Tổng số tín chỉ: 3 (2/1)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 30 tiết
- Thực hành: 30 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Tổng quan về GIS và viễn thám
- Lập cơ sở dữ liệu và bản đồ tài nguyên
- Phân tích không gian trong GIS
- Ứng dụng hệ thống thông tin (Viễn thám và GIS) trong quản lý rừng

7. Mô tả môn học

- Tổng quan về GIS
- Tổng quan về viễn thám
- Hệ tọa độ và GPS
- Giới thiệu một số phần mềm trong GIS
- Phân loại ảnh số để thành lập bản đồ tài nguyên rừng
- Tạo lập các lớp dữ liệu và bản đồ
- GIS trong quản lý tài nguyên rừng và môi trường
- Phân tích không gian trong quản lý tài nguyên thiên nhiên

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành **trên 68** tiết (vắng không quá 17 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 90 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập, thực hành được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

1. Nguyễn Thị Thanh Hương. 2015. *Ứng dụng Viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên rừng*. Nhà xuất bản Thông Tấn. ISBN: 978-604-945-110-2.
2. Lê Văn Trung. 2005. *Viễn thám*. Đại học Bách Khoa TP Hồ Chí Minh.

Sách tham khảo

Tiếng Việt

1. Bảo Huy. 2009. *GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên rừng và môi trường*. Nxb. Tổng hợp Tp. HCM
2. Nguyễn Đình Phương, Eddy Nierynck, other (1999) *Ứng dụng ảnh viễn thám và hệ thống thông tin địa lý trong quy hoạch môi trường*. Dự án xây dựng năng lực và phát triển bền vững.
3. Nguyễn Thị Thanh Hương. 2002. *Nghiên cứu các tác động đến thay đổi sử dụng đất lâm nghiệp và phương hướng quản lý rừng dựa vào cộng đồng dân*

tộc thiểu số Ê Đê tại xã Cư Drăm, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Luận văn Thạc sĩ lâm nghiệp, Đại học Lâm nghiệp Việt Nam.

4. Nguyễn Thị Thanh Hương. 2003. *Sử dụng ảnh vệ tinh và công nghệ GIS để phân tích thay đổi trong sử dụng đất tại huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk*. Đại học Tây nguyên.
5. Nguyễn Thị Thanh Hương. 2015. *Xây dựng phương pháp sử dụng đa dữ liệu trong điều tra và giám sát rừng tự nhiên tại tây nguyên*. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ. Đại học Tây Nguyên.
6. Phạm Quang Sơn. 1999. Một số vấn đề về sử dụng thông tin ảnh trong nghiên cứu vùng ven biển hiện nay. *Tuyển tập công trình Thủy văn-Môi trường*. Tập 2 (11/1999). Đại học Thủy lợi Hà Nội. Tr. 86-92.

Tiếng Anh:

7. Nguyen Thi Thanh Huong. 2011. *Forestry Remote Sensing: Using multi-data source for inventory of natural broad-leaved evergreen forests in the Central Highlands of Vietnam*. Lambert Academic Publishing, Germany.
8. Martin wegmann, Benjamin Leutner and Stefan Dech. 2016. *Remote sensing and GIS for Ecologists*. Pelagic Publishing. UK.
9. ESRI (2002) *Getting started with ArcGIS*.
10. ESRI (2002) *Using ArcCatalog*
11. ESRI (2002) *Using ArcMap*

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương 1: Tổng quan về GIS	3	
Cơ sở của GIS		
Bản đồ số		
Yêu cầu để áp dụng GIS		
Mô hình dữ liệu và sản phẩm của GIS		
Chương 2: Tổng quan về viễn thám	5	
Cơ sở viễn thám		
Vật mang và bộ cảm		
Chương 3: Hệ tọa độ và GPS	4	5
Hệ tọa độ		
GPS		
Chương 4: Xử lý ảnh vệ tinh	6	5
Tổng quát về xử lý ảnh và giới thiệu một số phần mềm xử lý ảnh		
Tiền xử lý ảnh		
Thao tác với ảnh vệ tinh		
Chương 5: Phân loại ảnh thảm phủ	5	10
Giới thiệu hệ thống phân loại rừng truyền thống		
Phân loại ảnh số không kiểm định		
Phân loại có kiểm định		
Kỹ thuật phân loại rừng dựa vào ảnh vệ tinh		

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương 6: Phân tích không gian trong quản lý tài nguyên thiên nhiên	7	10
Mô hình DEM		
Phân tích không gian dựa vào mô hình hồi quy đa biến		
Quản lý và Giám sát tài nguyên rừng		

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS. Nguyễn Thị Thanh Hương

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **TIN HỌC THỐNG KÊ TRONG LÂM NGHIỆP**
- Mã học phần: LH811007
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Tổng số tín chỉ: 2 (1/1)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Sử dụng các phần mềm để xử lý thống kê lâm nghiệp
- Ứng dụng thống kê tin học trong nghiên cứu lâm nghiệp

7. Mô tả môn học

- Khái quát về thống kê ứng dụng và tin học để xử lý thống kê
- Tổng quát về chức năng của Statgraphics, SPSS và R
- Thông kê mô tả
- Thống kê so sánh
- Thống kê so sánh phi tham số
- Mô hình quan hệ
- Thống kê tin học chuyên đề

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 36 tiết (vắng không quá 9 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Bảo Huy (2017). Thống kê tin học trong lâm nghiệp (Giáo trình). Nxb. Khoa học và kỹ thuật.

Bảo Huy (2017). Phương pháp thiết lập và thẩm định chéo mô hình ước tính sinh khối cây rừng (Sách chuyên khảo). Nxb. Khoa học và kỹ thuật.

Sách tham khảo chính

1. IBM. (2011). IBM SPSS Statistics 20 Brief Guide. USA.
2. Jayaraman, K. (1999). A Statistical Manual for Forestry Research. FAO, Bangkok. Thailand.
3. Nguyễn Hải Tuất, Vũ Tiến Hình và Ngô Kim Khôi, (2006). Phân tích thống kê trong lâm nghiệp. Nxb. Nông Nghiệp, Hà Nội
4. StatPoint-Inc, (2005). The User's Guide to Statgraphics Centurion XV. USA.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Khái quát về thống kê ứng dụng và tin học để xử lý thống kê	1	
Tổng quát về chức năng của Excel, Statgraphics, SPSS, R	1	
Thống kê mô tả: - Chỉ tiêu thống kê mô tả - Ước lượng khoảng - Phân bố chuẩn của dữ liệu quan sát - Dung lượng mẫu cần thiết	2	7
Thống kê so sánh: - T so sánh một mẫu - T so sánh 2 mẫu - T so sánh 2 mẫu bất cặp - ANOVA một đến nhiều nhân tố	3	8
Thống kê so sánh phi tham số: - So sánh các mẫu độc lập - So sánh các mẫu bất cặp	3	5
Mô hình quan hệ: - Phương pháp ước lượng mô hình: Bình phương tối thiểu và Phi tuyến, có hay không có trọng số - Mô hình tuyến tính - Mô hình phi tuyến - Mô hình nhân quả	3	5
Thống kê tin học chuyên đề: - Cấu trúc đồng nhất: Kiểm tra K mẫu - Mô phỏng cấu trúc - Cấu trúc mặt bằng - Quan hệ sinh thái loài	2	5
Tổng cộng	15	30

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Bảo Huy

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **SINH THÁI THỰC VẬT RỪNG NHIỆT ĐỚI**
- Mã học phần: LH811008
- Loại học phần: Tự chọn

2. Tổng số tín chỉ: 2 (1/1)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Trình bày khái niệm về sinh thái thực vật rừng
- Xác định các nhân tố sinh thái chủ đạo của thực vật rừng nhiệt đới

7. Mô tả môn học

- Khái niệm sinh thái thực vật rừng nhiệt đới
- Các nhân tố sinh thái
- Lập bản đồ phân bố sinh thái thực vật rừng
- Mô hình đa biến xác định tổ hợp các nhân tố sinh thái ảnh hưởng đến phân bố thực vật rừng nhiệt đới.

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 36 tiết (vắng không quá 9 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Bảo Huy, 2017. Bài giảng Sinh thái thực vật rừng nhiệt đới. Trường Đại học Tây Nguyên.

Sách tham khảo chính

1. Baur, G., 1964. Cơ sở sinh thái học của kinh doanh rừng mưa. Vương Tấn Nhị dịch, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội
2. David, M.S., Bruce, C. L., Matthew, J.K., Mark, P., and Ashton, S., 1997. The practice of silviculture: Applied forest ecology. John Wiley & Sons.
3. Gunter, S., Weber, M., Stimm, B., and Mosandl, R., 2011. Silviculture in the Tropics (Tropical Forestry). Springer, Heidelberg Dordrecht, London, New York.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Khái niệm sinh thái thực vật rừng nhiệt đới	2	4
Các nhân tố sinh thái	3	6
Lập bản đồ phân bố sinh thái thực vật rừng - Phương pháp thu thập dữ liệu - Phương pháp áp dụng ảnh viễn thám để xác định các nhân tố sinh thái - Phương pháp chồng ghép, lập bản đồ phân bố sinh thái thực vật rừng	5	10
Mô hình đa biến xác định tổ hợp các nhân tố sinh thái ảnh hưởng đến phân bố thực vật rừng nhiệt đới - Thu thập số liệu phân bố và sinh thái loài - Mã hóa các biến định tính - Chọn nhân tố ảnh hưởng - Mô hình hồi quy đa biến, có trọng số, phi tuyến	5	10
Tổng cộng	15	30

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Bảo Huy

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **SINH THÁI RỪNG NHIỆT ĐỚI**
- Mã học phần: LH811009
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Số tín chỉ: 2 (1,5/0,5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp, năm thứ 1 (học kỳ 2)

4. Phân bố thời gian

- Lên lớp: 25 tiết
- Thực hành/thảo luận: 15 tiết

5. Học phần tiên quyết

6. Mục tiêu của học phần

Giúp học viên cao học hiểu được hệ sinh thái rừng về tính ổn định, sự thay đổi theo không gian và thời gian, các nguyên lý cơ bản của sinh thái phục hồi và phương pháp nghiên cứu hệ sinh thái rừng làm cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp kỹ thuật phục hồi và quản lý rừng.

- Về mặt thực hành:

- Có khả năng vận dụng kiến thức sinh thái rừng nâng cao vào định hướng nghiên cứu về phục hồi và quản lý rừng.
- Lập và tổ chức thực hiện nghiên cứu về sinh thái rừng.

7. Mô tả các nội dung học phần

- Những đặc trưng cơ bản của các hệ sinh thái rừng nhiệt đới.
- Giá trị của các hệ sinh thái rừng nhiệt đới và những nguy cơ rủi ro đối với hệ sinh thái rừng nhiệt đới.
- Phân loại các hệ sinh thái rừng nhiệt đới.
- Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới Việt Nam.
- Các phương pháp nghiên cứu sinh thái rừng.
- Quản lý rừng nhiệt đới.
- Cấu trúc rừng nhiệt đới.
- Tái sinh rừng nhiệt đới.
- Diễn thế rừng nhiệt đới.
- Ứng dụng sinh thái học trong phục hồi hệ sinh thái rừng

8. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Học viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 25 tiết (vắng không quá 5 tiết)
- Tự học: Học viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 45 tiết
- Thảo luận nhóm: Hoàn thành các bài tập, thảo luận nhóm được giao.

9. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

Tiếng Việt

1. P.E. Odum (1978). *Cơ sở sinh thái học*; Tập I, Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Hà Nội
2. G. Baur (1976). *Cơ sở sinh thái học của kinh doanh rừng mưa*; Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội.

3. Thái Văn Trùng (1978). *Thảm thực vật rừng Việt Nam*; Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội
4. Thái Văn Trùng (1998). *Những hệ sinh thái rừng nhiệt đới ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội
5. Phạm Xuân Hoàn và cộng sự (2004). *Một số vấn đề trong Lâm học nhiệt đới*. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội

Tiếng nước ngoài

1. David A. Perry, Ram Oren, Atephen C. Hart, 2008. *Forest Ecosystems*. The Johns Hopkins University Press, Baltimore.
2. Kimmins, J.P., 2004, *Forest Ecology*, third edition, The University of British Columbia, USA
3. Jelte Van Andel & James Aronson, *Restoration Ecology – The New Frontier*. Blackwell Publishing, USA, 2006
4. Krystna M. Urbanska, Nigel R. Webb and Peter Edwards, *Restoration Ecology and Sustainable Development*, Cambridge University Press, UK, 1997
5. Moya Tomlinson 1992, *Tropical forest regeneration*, Tropical forest update.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm đánh giá phần thực hành/thảo luận: 30%
- Đánh giá điểm thi hết môn bằng hình thức tự luận: 70%

11. Thang điểm

Phân thực hành/thảo luận và kiểm tra/thi đánh giá theo thang điểm 10

12. Nội dung chi tiết học phần

STT	Chương/mục	Số tiết	
		LT	TH
1	Những đặc trưng cơ bản của các hệ sinh thái rừng nhiệt đới;	2	
2	Giá trị của các hệ sinh thái rừng nhiệt đới và những nguy cơ rủi ro đối với hệ sinh thái rừng nhiệt đới;	3	2
3	Phân loại các hệ sinh thái rừng nhiệt đới;	3	2
4	Các hệ sinh thái rừng nhiệt đới Việt Nam;	3	
5	Các phương pháp nghiên cứu sinh thái rừng;	2	3
6	Cấu trúc rừng nhiệt đới;	2	3
7	Tái sinh rừng nhiệt đới;	2	3
8	Diễn thế rừng nhiệt đới;	3	1
9	Ứng dụng sinh thái học trong phục hồi hệ sinh thái rừng	3	1

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI SOẠN ĐỀ CƯƠNG

GS.TS. Võ Đại Hải

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **ĐA DẠNG SINH HỌC**
- Mã học phần: LH812004
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Số tín chỉ: 2 (1,5/0,5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp, năm thứ 1 (học kỳ 2)

4. Phân bố thời gian

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực hành/thảo luận: 14 tiết ($7 \times 2 = 14$)

5. Học phần tiên quyết: không

6. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Phân tích được tính đa dạng sinh học và thực trạng bảo tồn đa dạng sinh học ở một địa điểm (địa phương/ khu vực) cụ thể;
- Mô tả được nhu cầu thực tiễn và tính cấp thiết bảo tồn môi trường sống (sinh cảnh) của một số loài động thực vật nguy cấp, quý hiếm ở địa phương; vận dụng trong đề xuất bảo tồn loài và sinh cảnh;
- Giải thích được các quan điểm và phương pháp tiếp cận trong bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn gắn với quản lý bền vững tài nguyên rừng;
- Mô tả và áp dụng được các phương pháp điều tra, giám sát đa dạng sinh học cho từng trường hợp cụ thể trong quản lý tài nguyên rừng.

7. Mô tả các nội dung học phần

- Tổng quan về đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học
- Đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam
- Sử dụng bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học
- Giám sát và đánh giá đa dạng sinh học

8. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 30 tiết (vắng không quá 7 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập được giao

9. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

Cao Thị Lý (2016): *Bài giảng Bảo tồn đa dạng sinh học (Dành cho học viên cao học ngành Lâm nghiệp)*. Trường Đại học Tây Nguyên.

Sách tham khảo

Tiếng Việt

1. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2004): *Sổ tay điều tra giám sát đa dạng sinh học*. Hà Nội
2. Richard B.Primack (1999): *Cơ sở sinh học bảo tồn*, Nxb Sinauer Associates Inc, Mỹ và Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
3. Nguyễn Hoàng Nghĩa (1997): *Bảo tồn nguồn gen cây rừng*. Nxb Nông nghiệp Hà Nội.
4. Nguyễn Hoàng Nghĩa (1997): *Bảo tồn nguồn tài nguyên di truyền thực vật rừng*. Nxb Nông nghiệp Hà Nội.

5. Nguyễn Hoàng Nghĩa (1999): *Một số loài cây bị đe dọa ở Việt Nam*. Nxb Nông nghiệp Hà Nội.

Tiếng Anh

6. Kalemani Jo Mulongoy and Stuart Chape (2004): Protected areas and Biodiversity – An overview of key issues, UNEP – WCMC Series No 21, UK.
7. Malcolm Ausden (2008): Habitat management for conservation: A handbook of techniques (Techniques in Ecology and Conservation). Oxford University Press
8. Sandy E Williams, Andy Gillison and Meine van Noordwijk (2001): *Biodiversity: Issues relevant to integrated natural resource management in the humid tropics*, ASB Lecture Note 5, International Center for Research in Agroforestry, Bogor, Indonesia.
9. The National Technical Assistance Team (2008): Strategic Habitat Conservation Handbook: A guide to implementing the Technical Elements of Strategic Habitat Conservation (Version 1.0). U.S. Fish & Wildlife Service.
10. W.J. Sutherland (2000): *The conversation handbook*. Blackwell science.
11. IIRR (1993): “*Forest Ecosystems*”, *Environment, Agriculture and natural resources management basis concepts* – An information kit, Philippines.
12. Các trang web:
<http://www.vnppa.org.vn>
<http://www.un.org.vn/undp>
<http://www.kiemlam.org.vn>
<http://biodiv.wri.org>
<http://www.cifor.cgiar.org>
<http://www.unep-wcmc.org>
<http://www.wristore.com>
https://en.wikipedia.org/wiki/Habitat_conservation

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm đánh giá phần thực hành/thảo luận: 30%
- Đánh giá điểm thông qua kết quả bài tiểu luận hoặc kiểm tra hết môn bằng hình thức tự luận: 70%

11. Thang điểm

Phần thực hành/thảo luận và kiểm tra/viết tiểu luận được đánh giá theo thang điểm 10

12. Nội dung chi tiết học phần

STT	Chương/mục	Số tiết
1	Bài 1: Tổng quan về đa dạng sinh học (ĐDSH) và bảo tồn đa dạng sinh học	7
1.1	Đa dạng sinh học và các cấp độ của đa dạng sinh học	
1.2	Giá trị của đa dạng sinh học	
1.3	Suy thoái đa dạng sinh học	
1.4	Khái niệm và các nguyên lý bảo tồn đa dạng sinh học	
1.5	Các phương thức bảo tồn đa dạng sinh học	
1.6	Đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam	
2	Bài 2: Bảo tồn môi trường sống (Habitat conservation)	10
2.1	Giá trị của môi trường tự nhiên đối với bảo tồn đa dạng sinh học	
2.2	Sự hủy hoại và mất mát môi trường sống	

STT	Chương/mục	Số tiết
2.3	Xác định những sinh cảnh ưu tiên để bảo tồn loài	
2.4	Cách tiếp cận và phương pháp bảo tồn sinh cảnh	
2.5	Đề xuất dự án bảo tồn sinh cảnh các loài động thực vật	
3	Bài 3: Sử dụng bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học	10
3.1	Các quan điểm tiếp cận trong bảo tồn đa dạng sinh học	
3.2	Tiếp cận kỹ thuật trong bảo tồn	
3.3	Tiếp cận tổng hợp gắn bảo tồn với phát triển	
4	Bài 4: Giám sát và đánh giá đa dạng sinh học	10
4.1	Lý do cần giám sát đánh giá đa dạng sinh học	
4.2	Giám sát, đánh giá đa dạng sinh học trong các khu bảo tồn	
4.3	Giám sát, đánh giá đa dạng sinh học gắn với kinh doanh và sử dụng rừng bền vững	

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Bảo Huy

TS. Cao Thị Lý

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **NÔNG LÂM KẾT HỢP**
- Mã học phần: LH812005
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Tổng số tín chỉ: 2 (1.5/0.5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực hành: 15 tiết

5. Học phần tiên quyết: Giống và trồng rừng

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Phân tích được các tiềm năng, lợi ích của nông lâm kết hợp trong phát triển đời sống cộng đồng và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên.
- Trình bày được khái niệm, đặc điểm nông lâm kết hợp trên đơn vị diện tích và cảnh quan Nông lâm kết hợp.
- Phân tích được các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường trong NLKH
- Phân tích thực tế canh tác ở địa phương để thiết kế, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá hệ thống Nông lâm kết hợp.

7. Mô tả môn học

- Tổng quan về Nông lâm kết hợp.
- Kỹ thuật và mối quan hệ trong hệ thống Nông lâm kết hợp
- Nông lâm kết hợp trên cơ sở cảnh quan.
- Các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường trong NLKH

Phát triển và đánh giá hệ thống Nông lâm kết hợp

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 38 tiết (vắng không quá 9 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập, thực hành được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Võ Hùng (2014): *Bài giảng Nông lâm kết hợp (Dành cho học viên cao học ngành Lâm học)*. Trường Đại học Tây Nguyên.

Bảo Huy, Võ Hùng (2012). *Thực trạng nghiên cứu và phát triển Nông lâm kết hợp ở Việt Nam*. Tạp chí NLKH Châu Á – Thái Bình Dương. APAN-New. Số 31, 2012.

Sách tham khảo

Tiếng Việt

1. Vũ Biệt Linh và Nguyễn Ngọc Bình (1995): *Các hệ Nông lâm kết hợp ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Thái Phiên, Nguyễn Tử Siêm (1998). *Canh tác bền vững trên đất dốc ở Việt Nam*. Nxb Nông Nghiệp. Hà Nội
3. Nguyễn Xuân Quát (1994). *Sử dụng đất dốc bền vững - kinh tế hộ gia đình miền núi*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội
4. Lê Duy Thuốc (1995): *Bài giảng Nông Lâm kết hợp*. Nxb Nông nghiệp, Hà nội

5. Nguyễn Văn Trương (1983). *Kiến tạo các mô hình nông lâm kết hợp*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội
6. Phạm Văn Vang (1981), *Một số vấn đề phương thức sản xuất NLKH trên đồi núi Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
7. VNAFE (2007). Thị trường cho các sản phẩm Nông lâm kết hợp.
8. VNAFE (2008). Cảnh quan Nông lâm kết hợp.
9. VNAFE (2008): Các mô hình Nông lâm kết hợp trên các vùng sinh thái của Việt Nam.

Tiếng Anh

10. Dixon, R.K. (1996). *Agroforestry systems and greenhouse gasses*. Agroforestry Today.
11. Jamieson, N.L.; Le Trong Cuc; and Rambo, A.T (1998). *The development crisis in Vietnam's mountains*. East-West Center. Honolulu, Hawaii.
12. King, K.F.S (1987). *The history of agroforestry*. In Steppeler, H.A. and Nair, P.K.R.: *Agroforestry: A decade of development*. ICRAF, Nairobi, Kenya.
13. Lundgren, B.O. and J.B. Raintree (1982). *Sustained agroforestry*. In Agricultural research for development: potentials and challenges in Asia. ISNAR, The Hague.
14. MacDicken, K.G. and N.T. Vergara (1990). *Agroforestry: classification and management*. New york
15. Mittelman, A. (1997). *Agro- and community forestry in Vietnam: Recommendations for development support*. The Forest and Biodiversity Program, Royal Netherlands Embassy, Hanoi, Vietnam.
16. Nair, P.K.R. (1987). *Soil productivity under agroforestry*. In, *Agroforestry: Realities, possibilities, and Potentials* (H.L. Gholtz, ed.) Netherlands: Martinus Nijhoff Publishers.
17. Nair, P.K.R. (1984). *Soil productivity aspects of agroforestry*. ICRAF. Nairobi, Kenya.
18. Nair, P.K.R. (1985). *Classification of agroforestry systems*. Agroforestry Systems.
19. Nair, P.K.R. (1993). *An introduction to agroforestry*. Kluwer Academic Publishers in cooperation with International Centre for Research in Agroforestry, the Netherlands.
20. Per G Rudebjer, Peter Taylor & Romulo A Del Castillo (2001). *A guide to learning Agroforestry, A framework for developing agroforestry curricula in Southeast Asia*, ICRAF, SEANAFE, Bogor Indonesia.
21. Sanchez, P.A. (1987). *Soil productivity and sustainability in agroforestry systems*. In, *Agroforestry: A Decade of Development* . ICRAF. Nairobi, Kenya.
22. SEANAFE/ ICRAF (2008). *A teacher's guide on Market's for Agroforestry Tree Products and curricula framework and case studies*.
23. Young, A. (1987). *The potential of agroforestry for soil conservation and sustainable land use*. ICRAF Reprint No. 39, Nairobi, Kenya.
24. Young, A. (1987). *Soil productivity, soil conservation and land evaluation*. Agroforestry Systems 5.
25. Young, A. (1997). *Agroforestry for Soil Management*. CAB International in association with International Centre for Research in Agroforestry, United Kingdom.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương I: Tổng quan về nông lâm kết hợp - Lý do phát triển Nông lâm kết hợp - Khái niệm và đặc điểm nông lâm kết hợp - Vai trò, lợi ích, tiềm năng và thách thức của NLKH - Phân loại các hệ thống Nông lâm kết hợp	3	
Chương II: Kỹ thuật và mối quan hệ trong hệ thống NLKH - Các hệ thống nông lâm kết hợp truyền thống - Các hệ thống nông lâm kết hợp cải tiến - Dòng năng lượng, vật chất của hệ thống NLKH - Tương tác cây thân gỗ - đất - hoa màu - Kỹ thuật canh tác Nông lâm kết hợp - Kỹ thuật sử dụng bền vững đất và nước trong Nông lâm kết hợp	5	2
Chương III: NLKH trên cơ sở cảnh quan - Khái niệm về cảnh quan - Cấu trúc và thành phần của cảnh quan NLKH - Mối quan hệ tương tác giữa các thành phần trong cảnh quan NLKH - Vai trò, lợi ích và những thách thức trong quy hoạch cảnh quan NLKH	4	3
Chương IV: Vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường trong NLKH - Vấn đề kinh tế trong Nông lâm kết hợp - Thị trường các sản phẩm Nông lâm kết hợp - Vấn đề xã hội trong Nông lâm kết hợp - Tác động của chính sách đến phát triển NLKH - Vấn đề môi trường trong NLKH	6	2
Chương IV: Phát triển và đánh giá NLKH - Cách tiếp cận phát triển NLKH có sự tham gia - Tiến trình phát triển kỹ thuật NLKH có sự tham gia - Đánh giá hệ thống Nông lâm kết hợp.	5	2
Nội dung thực hành - Phân loại và đánh giá hiệu quả nhiều mặt của một số hệ thống NLKH phổ biến vùng Tây Nguyên. - Nghiên cứu tình huống (Case study) về cảnh quan NLKH tại một địa phương tỉnh Đắk Lắk.		3 3

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Võ Hùng
KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **QUẢN LÝ SINH VẬT HẠI TRONG LÂM NGHIỆP**
- Mã học phần: LH812006
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Tổng số tín chỉ: 2 (1,5/0,5)

3. Trình độ: Cho cao học viên học chuyên ngành Lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực hành: 15 tiết

5. Học phần tiên quyết: không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Nhận biết được đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh học, sinh thái các sinh vật gây hại chính đối với cây rừng;
- Đưa ra giải pháp quản lý các sinh vật gây hại có hiệu quả, bền vững, ít ảnh hưởng tới môi trường và đa dạng sinh học.

7. Mô tả môn học

- Khái quát về những thiệt hại do sâu, bệnh hại đối với thực vật ở trong và ngoài nước;
- Giới thiệu đặc điểm nhận biết, đặc điểm sinh học các loài sâu, bệnh hại chính cây rừng ở vườn ươm và rừng trồng đối với các loài cây trồng rừng chính hiện nay (keo, bạch đàn, thông..)
- Giới thiệu biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) đối với các loài sâu, bệnh hại chính ở vườn ươm và rừng trồng.

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Học viên phải dự học tại lớp cả lý thuyết và thực hành trên 25 tiết (vắng không quá 5 tiết);
- Tự học: Học viên phải bố trí thời gian tự học ở nhà, tham khảo tài liệu với thời gian 45 tiết;
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập được giao.

9. Tài liệu tham khảo

1. Phạm Quang Thu (2007) Bệnh hại rừng trồng và biện pháp phòng trừ, Nhà xuất bản Nông nghiệp, 100 trang;
2. Phạm Quang Thu (2009) Sâu, bệnh hại cây Bạch đàn và Keo (Chuyên khảo), Nhà xuất bản Nông nghiệp, 116 trang;
3. Phạm Quang Thu (2011) Sâu, bệnh hại rừng trồng (Tập 1), Nhà xuất bản Nông nghiệp, 200 trang,
4. Thu PQ, Griffiths MW, Pegg, GS, Mc Donald JM, Wylie, FR, King, J, and Lawson, SA (2010) Healthy Plantations: A field guide to pests and pathogens of *Acacia*, *Eucalyptus* and *Pinus* in Vietnam, Department of Employment, Economic Development and Innovation, Queensland, Australia.
5. Speight Martin R. and Wylie F. Ross (2001) Insect pests in tropical forestry, CABI Publishing.
6. Waterhouse DF. (1998) Biological Control of insect pests: Southeast Asian prospects, ACIAR, Canberra.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần hoặc viết tiểu luận: 70%

11. Thang điểm: 10**12. Nội dung chi tiết môn học**

stt	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Khái quát những thiệt hại do sâu, bệnh gây ra đối với thực vật rừng, những dịch sâu, bệnh hại quan trọng thường xảy ra đối với rừng trồng ở Việt Nam - Thiệt hại do sâu - Thiệt hại do bệnh	5	2
2	Các loài sâu, bệnh hại chính; nhận biết, đặc điểm sinh học và sinh thái - Danh mục các loài sâu, bệnh hại chính ở vườn ươm và rừng trồng, - Đặc điểm sinh học các loài sâu, bệnh gây hại chính và - Đặc điểm sinh thái các loài sâu, bệnh gây hại chính.	5	3
3	Kỹ thuật điều tra, đánh giá tỷ lệ và mức độ gây hại của sâu, bệnh hại chính ở vườn ươm và rừng trồng - Kỹ thuật điều tra đánh giá tình hình sâu, bệnh hại ở vườn ươm - Kỹ thuật điều tra đánh giá tình hình sâu, bệnh hại rừng trồng.	8	7
4	Kỹ thuật phòng trừ tổng hợp (IPM) sâu, bệnh hại chính - Xác định ngưỡng phòng trừ, - Phòng trừ sâu, bệnh hại bằng biện pháp kỹ thuật lâm sinh, - Phòng trừ sâu, bệnh hại bằng biện pháp thủ công, - Phòng trừ sâu, bệnh hại bằng biện pháp bẫy, - Phòng trừ sâu, bệnh hại bằng biện pháp sinh học, - Phòng trừ sâu, bệnh hại bằng biện pháp hóa học.	5	3
	Tổng cộng	23	15

NGƯỜI PHẢN BIỆN**NGƯỜI SOẠN ĐỀ CƯƠNG**


GS.TS. Phạm Quang Thu
KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **SẢN LƯỢNG RỪNG**
- Mã học phần: LH812007
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Tổng số tín chỉ: 2 (1.5/0.5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực hành: 15 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Xây dựng biểu sản lượng rừng
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong dự báo sản lượng rừng

7. Mô tả môn học

- Sử dụng công nghệ Laser trong điều tra rừng
- Lập biểu cấp năng suất
- Lập các mô hình sinh trưởng, mật độ tối ưu
- Lập biểu sản lượng
- Lập phần mềm dự báo sản lượng

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 38 tiết (vắng không quá 9 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập, thực hành được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Bảo Huy (2008): *Bài giảng Sản lượng rừng (Dành cho học viên cao học ngành Lâm học)*. Trường Đại học Tây Nguyên.

Sách tham khảo

Tiếng Việt

1. Đồng Sĩ Hiền (1974): *Lập biểu thể tích và biểu độ thon cây đứng cho rừng Việt Nam*. NXB Khoa học-Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Vũ Tiến Hình (1995): *Một số phương pháp thống kê*. ĐHLN.
3. Vũ Tiến Hình (2003): *Sản lượng rừng*. Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội
4. Bảo Huy (1993): *Góp phần nghiên cứu cấu trúc rừng nửa rụng lá-rừng lá ưu thế Bằng lăng làm cơ sở đề xuất giải pháp kỹ thuật khai thác-nuôi dưỡng ở Đăklăk-Tây nguyên*. Luận án Tiến sĩ, Viện KH Lâm nghiệp VN, Hà Nội.
5. Bảo Huy (1995): *Thử nghiệm các mô hình dự đoán sản lượng rừng Téch ở Đăklăk*. TCLN số 3/1995, tr20-21, Hà Nội.
6. Bảo Huy (1995): *Dự đoán sản lượng rừng Téch ở Đăklăk*. TCLN số 4/1995, tr11, Hà Nội.
7. Bảo Huy (1995): *Sinh trưởng và sản lượng rừng trồng Téch ở Đăk Lăk*. Hội thảo quốc gia lần thứ nhất về trồng rừng Téch.
8. Bảo Huy (1997): *Đặc điểm sinh thái và sinh trưởng loài cây bản địa Xoan Mộc*. Báo cáo khoa học, Hội thảo KH Lâm nghiệp vùng Tây Nguyên.

9. Bảo Huy (1998): *Nghiên cứu các cơ sở khoa học để kinh doanh rừng trồng téch ở Tây Nguyên*. Bộ Giáo dục và Đào tạo.
10. Bảo Huy (2008): *Thống kê và tin học trong lâm nghiệp*. Đại học Tây Nguyên
11. Nguyễn Ngọc Lung (1987): *Bàn về lý thuyết chủ động điều khiển mật độ rừng theo mục tiêu điều chế*. TCLN số 7/1987, tr18-21, Hà Nội.
12. Nguyễn Ngọc Lung (1987): *Mô hình hóa quá trình sinh trưởng các loài cây mọc nhanh để dự đoán sản lượng*. TCLN số 8/1987, tr 14-19, Hà Nội.
13. Nguyễn Ngọc Lung (1989): *Điều tra rừng Thông Pinus kesiya Việt Nam làm cơ sở tổ chức kinh doanh*. Tóm tắt luận án Tiến sĩ khoa học, Học viện kỹ thuật lâm nghiệp Leningrad mang tên S.M.Kirov, Leningrad.
14. Nguyễn Hải Tuất (1991): *Ứng dụng lý thuyết ngẫu nhiên để nghiên cứu quá trình sinh trưởng cây rừng*. TTin KHKT, ĐHLN số 1/1991, tr1-10.
15. Nguyễn Hải Tuất (2007): *Một số phương pháp sinh thái học định lượng*. Trường Đại học Lâm nghiệp.

Tiếng Anh:

16. Ahmed,-GU (1992): *Height, diameter and age relationships of Tectona grandis L., Syzygium grande Sheele and Dipterocarpus turbinatus Gaertn.* Institute of Forestry, University of Chittagong, Bangladesh. Chittagong-University-Studies,-Science. 1992., 16: 2, 7-10; 7 ref.
17. E.K.S. Nambiar, J. Ranger, A. Tiarks, T. Toma (2003): *Site Management and Productivity in Tropical Plantation Forests*. Workshops in Congo July 2001 and China February 2003, CIFOR
18. Robert M. Scheller*, David J. Mladenoff (2003): *A forest growth and biomass module for a landscape simulation model*. University of Wisconsin-Madison, 1630 Linden Drive, Madison, WI 53706, USA
- Xiaolu Zhou (2002): *Environmental Modelling and Software*. Lakehead University, Canada.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Bài 1: Sử dụng công nghệ Laser trong điều tra rừng - Đo cao - Đo đường kính bất kỳ - Đo tổng tiết diện ngang - Đo chiều cao theo đường kính cho trước - Đo độ dốc - Tính thể tích cây đứng, thể tích sản phẩm cây đứng	5	0
Bài 2: Cấp năng suất - Ý nghĩa phân chia cấp năng suất - Chọn chỉ tiêu phân chia - Phương pháp phân chia cấp năng suất - Sử dụng biểu cấp năng suất	5	0
Bài 3: Mô hình hóa quá trình sinh trưởng cây rừng	5	0

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
- Khái niệm mô hình sinh trưởng cây bình quân lâm phần - Quá trình sinh trưởng cây rừng - Các phương pháp mô hình hóa - Lập biểu quá trình sinh trưởng cây rừng		
Bài 4: Mô hình mật độ tối ưu - Khái niệm Nopt và nhân tố ảnh hưởng - Chỉ tiêu xác định Nopt - Các phương pháp xác định Nopt - Ứng dụng Nopt trong điều chế rừng	5	3
Bài 5: Sinh trưởng trữ sản lượng lâm phần - Khái niệm sinh trưởng và tăng trưởng lâm phần - Mô hình sinh trưởng lâm phần - Lập biểu sinh trưởng lâm phần	3	7
Bài 6: Phần mềm quản lý sản lượng rừng - Liên kết các mô hình để lập phần mềm - Xây dựng phần mềm - Ứng dụng phần mềm trong quản lý sản lượng rừng		5
Tổng cộng	23	15

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Nguyễn Thanh Tân

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **PHÂN TÍCH KINH TẾ TRONG LÂM NGHIỆP**
- Mã học phần: LH812008
- Loại học phần: Tự chọn

2. Số tín chỉ: 2 (1,5/0,5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp, năm thứ 2 (học kỳ 3)

4. Phân bố thời gian

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực hành/thảo luận: 14 tiết ($7 \times 2 = 14$)

5. Học phần tiên quyết

6. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Trình bày được các nguồn lực kinh tế trong lâm nghiệp
- Đánh giá được hiệu quả kinh tế của các hoạt động lâm nghiệp
- Ứng dụng các công cụ phân tích kinh tế để phân tích kinh tế đầu tư các hoạt động lâm nghiệp.

7. Mô tả các nội dung học phần

- Chương 1. Hệ thống kinh tế lâm nghiệp Việt Nam
- Chương 2: Các nguồn lực kinh tế trong lâm nghiệp
- Chương 3: Hiệu quả kinh tế trong ngành lâm nghiệp
- Chương 4: Phân tích kinh tế lâm nghiệp.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 30 tiết (vắng không quá 7 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập, thực hành được giao

9. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

Cẩm nang ngành Lâm nghiệp (2006). *Kinh tế lâm nghiệp và đầu tư*. NXB Nông nghiệp – Hà Nội,

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội (2001). *Giáo trình Kinh tế lâm nghiệp*. NXB Thống kê

Sách tham khảo

1. Barry Field (2010). *Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đại cương*. NXB khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà Nội – 2010.
2. Phạm Văn Đình – Đỗ Kim Chung (1997) *Kinh tế nông nghiệp*, NXB Nông nghiệp – Hà Nội
3. Phạm Xuân Phương (1997). *Kinh tế lâm nghiệp*, NXB Nông nghiệp, Hà nội

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm đánh giá phần thực hành/thảo luận: 40%
- Đánh giá điểm thi hết môn bằng hình thức tự luận hoặc chuyên đề: 60%

11. Thang điểm

- Phần thực hành/thảo luận và kiểm tra/thi đánh giá theo thang điểm 10

12. Nội dung chi tiết học phần

STT	Chương/mục	Số tiết
1	Chương 1. Hệ thống kinh tế lâm nghiệp Việt Nam	5
2	Chương 2: Các nguồn lực kinh tế trong lâm nghiệp	5
3	Chương 3. Hiệu quả kinh tế trong ngành lâm nghiệp	10
4	Chương 4. Phân tích kinh tế lâm nghiệp	10

NGƯỜI PHẢN BIỆN**NGƯỜI SOẠN ĐỀ CƯƠNG****TS. Tuyết Hoa Niê Kdăm****KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

- Tên học phần: **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG LÂM SẢN NGOÀI GỖ**
- Mã học phần: LH812009
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Số tín chỉ: 2 (1.5/0.5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành Lâm học, ngành Lâm nghiệp năm thứ nhất (học kỳ 2)

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp lý thuyết 23 tiết
- Thực hành/ bài tập tình huống / thảo luận: 15 tiết

5. Học phần tiên quyết: không

6. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong học phần học viên có khả năng:

- Trình bày phân loại thành 6 nhóm lâm sản ngoài gỗ theo mục đích sử dụng
- Sử dụng một số công cụ đánh giá và điều tra lâm sản ngoài gỗ phục vụ quản lý và quản lý dựa vào cộng đồng
- Sử dụng được phương pháp lựa chọn ưu tiên phát triển và quản lý lâm sản ngoài gỗ tiềm năng.

7. Mô tả nội dung của học phần:

- Chương 1: Mở đầu và các khái niệm lâm sản ngoài gỗ
- Chương 2: Phân loại lâm sản ngoài gỗ theo mục đích sử dụng
- Chương 3: Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ ở một số nước trên thế giới và Việt Nam hiện nay
- Chương 4: Phương pháp và công cụ đánh giá, điều tra Lâm sản ngoài gỗ có sự tham gia
- Chương 5: Phương pháp, công cụ lập kế hoạch quản lý, sử dụng lâm sản ngoài gỗ có sự tham gia

8. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 30 tiết (vắng không quá 7 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành bài tập 2 cá nhân và 3 bài tập tình huống theo nhóm

9. Tài liệu học tập:

Sách, giáo trình chính:

1. Bài Giảng Lâm sản ngoài gỗ, Chương trình hỗ trợ Lâm nghiệp xã hội, 2002
2. Lâm sản ngoài gỗ. Trần Ngọc Hải. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà nội 2009.

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo đánh giá tác động lâm sản ngoài gỗ, Hà nội 2007, Dự án Hà lan và IUCN
2. Cây cỏ Việt Nam; Phạm Hoàng Hộ, NXB Khoa học Kỹ thuật 1992.
3. Giới và sinh kế bền vững, 2006, Dự án Hà lan và IUCN
4. Hướng dẫn quản lý rừng cộng đồng; Bảo Huy, Bộ NN&PTNT, SDC/Helvetas, GTZ, JICA, 2008.
5. Sổ tay đánh giá nông thôn có sự tham gia đối với các hoạt động phát triển và bảo tồn lâm sản ngoài gỗ cấp thôn bản. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà nội 2006
6. Sổ tay lưu giữ và sử dụng kiến thức bản địa. Nhà Xb nông nghiệp, Hà nội, 2000
7. Tổng quan ngành lâm sản ngoài gỗ Việt Nam; Vũ Văn Dũng, dự án LSNG, 2002.
8. Vận dụng tối đa chuỗi thị trường, Trung tâm nghiên cứu Lâm đặc sản, Hà nội, 2004.

9.NTFPs Extension support package. The world Conservation Union (IUCN) 44/4 Van Bao, Ba Dinh, Hanoi, Vietnam.

10.NTFP –EP-2011 to 2016; Annual Report.

11.Strat-Paper -2016 -0503177LR

12..Non Timber Forest Products and Crop wild Relatives. USAID, 2014

10.Tiêu chuẩn đánh giá học viên

- Điểm đánh giá phần thực hành/thảo luận: 40%
- Đánh giá điểm thi hết môn bằng hình thức tự luận hoặc viết tiểu luận theo chủ đề: 60%

11.Thang điểm:

Theo thang điểm 10

12.Nội dung chi tiết học phần:

STT	Chương/ mục	Số tiết	
		LT	TH
1	Chương 1: Mở đầu và các khái niệm lâm sản ngoài gỗ 1.1.Các khái niệm 1.2. Khái niệm lâm sản ngoài gỗ ở Việt Nam 1.3.Vai trò, giá trị của lâm sản ngoài gỗ	2	0
2	Chương 2: Phân loại lâm sản ngoài gỗ theo mục đích sử dụng 2.1.Một số phương pháp phân loại LSNG 2.2.Phân loại theo mục đích sử dụng	2	1
3	Chương 3: Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ ở một số nước trên thế giới và Việt Nam hiện nay 3.1. Quản lý và sử dụng LSNG ở một số nước trong vùng hiện nay 3.2. Quản lý và sử dụng LSNG ở Việt Nam 3.3.Bài học về quản lý, sử dụng, phát triển LSNG	4	1
4	Chương 4: Phương pháp và công cụ đánh giá, điều tra Lâm sản ngoài gỗ có sự tham gia 4.1.Quan điểm về điều tra đánh giá LSNG 4.2.Phương pháp đánh giá, điều tra NTFP có sự tham gia	5	4
5	Chương 5: Phương pháp, công cụ lập kế hoạch quản lý, sử dụng lâm sản ngoài gỗ có sự tham gia 5.1.Phương pháp phân tích và phát triển thị trường (MA&D) 5.2.Phương pháp phân tích hệ thống (PSA) 5.3.Phương pháp lựa chọn ưu tiên phát triển và nghiên cứu LSNG (ARDO) 5.4.Một số vấn đề liên quan đến quản lý, sử dụng , phát triển LSNG	10	9

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI SOẠN ĐỀ CƯƠNG

PGS.TS ĐẶNG ĐÌNH BÔI
KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP**
- Mã học phần: LH812010
- Loại học phần: **Bắt buộc**

2. Tổng số tín chỉ: 2 (1.5/0.5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực hành: 15 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Giới thiệu về phương pháp lập dự án phát triển lâm nghiệp có sự tham gia
- Lập và tổ chức thực hiện dự án lâm nghiệp
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án

7. Mô tả môn học

- Tổng quan về dự án lâm nghiệp
- Tiếp cận khung logic lập dự án
- Sử dụng phần mềm OpenProj để quản lý dự án
- Giám sát và đánh giá dự án lâm nghiệp

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 38 tiết (vắng không quá 9 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập, thực hành được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Bảo Huy (2008): *Bài giảng Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp (Dành cho học viên cao học ngành Lâm học)*. Trường Đại học Tây Nguyên.

Sách tham khảo

Tiếng Việt:

1. Bảo Huy, 2006: *Quản lý dự án bảo tồn tài nguyên thiên nhiên*, Đại học Tây Nguyên
2. Bảo Huy, 2007: *Quản lý dự án lâm nghiệp xã hội*, Đại học Tây Nguyên
3. Bảo Huy và cộng sự, 2008: *Báo cáo đánh giá tác động của dự án hỗ trợ nông dân nghèo Tây Nguyên qua sản xuất lụa*. ADB, Bộ NN & PTNT

Tiếng Anh:

4. European Commission, 2004: *Project Cycle Management Guidelines*. Brussels
5. MDF Training and Cocultancy BV, 2004: *Tango for Organizations; 40 Tools for Institutional Development and Organizational Strengthening*. ISBN 90-808685-1-5, Netherlands.

6. Stefan Helming, Michael Gobel, 1997: *ZOPP – Objectives – oriented Project Planning*. Eschborn.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương 1: Tổng quan về dự án phát triển lâm nghiệp - Khái niệm dự án - Dự án phát triển lâm nghiệp, quản lý tài nguyên rừng - Mối quan hệ giữa dự án lâm nghiệp với chính sách - Các thách thức của dự án phát triển lâm nghiệp - Quản lý chu trình dự án	10	0
Chương 2: Tiếp cận khung logic lập dự án - Tổng quan về khung logic - Giai đoạn phân tích - Giai đoạn lập kế hoạch dự án	5	5
Chương 3: Phần mềm OpenProj quản lý dự án - Giới thiệu phần mềm - Nhập dữ liệu đầu vào của dự án - Quản lý, cập nhật dữ liệu để quản lý dự án	5	6
Chương 4: Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp - Nội dung quản lý dự án phát triển - Giám sát dự án có sự tham gia - Đánh giá dự án có sự tham gia - o Đánh giá tác động kinh tế – xã hội- môi trường - o Đánh giá mức độ quan tâm, khả năng nhân rộng của các kỹ thuật lâm nghiệp	3	4

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Nguyễn Danh

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **PHỤC HỒI HỆ SINH THÁI RỪNG NHIỆT ĐỚI**
- Mã học phần: LH812011
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Số tín chỉ: 2 (1,5/0,5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp, năm thứ 2 (học kỳ 3)

4. Phân bố thời gian

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực hành/thảo luận: 15 tiết

5. Học phần tiên quyết

6. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Trình bày được quan điểm, các nguyên tắc và giải pháp phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới.
- Ứng dụng những kỹ thuật phục hồi các hệ sinh thái rừng ở địa phương

7. Mô tả các nội dung học phần

- Nhận diện suy thoái hệ sinh thái rừng nhiệt đới.
- Thực trạng suy thoái các hệ sinh thái rừng nhiệt đới trên thế giới và ở Việt Nam.
- Các nguyên nhân cơ bản dẫn đến suy thoái các hệ sinh thái rừng nhiệt đới.
- Hậu quả của suy thoái các hệ sinh thái rừng nhiệt đới.
- Quan điểm và cách tiếp cận trong phục hồi các hệ sinh thái rừng nhiệt đới.
- Các giải pháp kỹ thuật cơ bản phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới.
- Các chương trình, dự án và chính sách phục hồi rừng ở Việt Nam giai đoạn 1986 đến nay.
- Những xu hướng và cách tiếp cận mới về phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới hiện nay.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Học viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 25 tiết (vắng không quá 5 tiết)
- Tự học: Học viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 45 tiết
- Thảo luận nhóm: Hoàn thành các bài tập, thảo luận nhóm được giao.

9. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

1. Thái Văn Trùng:

- Thảm thực vật rừng Việt Nam (1978)
- Những hệ sinh thái rừng nhiệt đới Việt Nam (1998)

2. Trần Ngũ Phương:

- Bước đầu nghiên cứu R miền Bắc Việt Nam (1970)
- Một số vấn đề về rừng nhiệt đới Việt Nam (2001)

3. P.W. Richards: Rừng mưa nhiệt đới (Ba tập, bản dịch của Vương Tấn Nhị)
4. G. Baur: Cơ sở sinh thái học của kinh doanh rừng mưa
5. Nguyễn Văn Thêm: Sinh thái rừng. NXB Nông nghiệp, 2001.
6. Websites: WWW.itto.or.jp & others
7. Tạp chí Nông nghiệp và PTNT (chọn lọc những vấn đề có liên quan).
8. Phạm Xuân Hoàn: Cơ chế phát triển sạch và cơ hội thương mại carbon trong LN
9. Viện QLRBV & CCR: Bộ tiêu chuẩn quốc gia về QLRBV
10. Chương trình 327
11. Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng
12. Quyết định 57/Đ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2011-2020.
13. Quyết định 886/Đ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững.
14. Chương trình UN-REDD và REDD+

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm đánh giá phần thực hành/thảo luận: 30%
- Đánh giá điểm thi hết môn bằng hình thức tự luận: 70%

11. Thang điểm

Phần thực hành/thảo luận và kiểm tra/thi đánh giá theo thang điểm 10

12. Nội dung chi tiết học phần

STT	Chương/mục	Số tiết	
		LT	TH
1	Nhận diện suy thoái các hệ sinh thái rừng	2	
2	Thực trạng suy thoái rừng hiện nay	2	2
3	Các nguyên nhân dẫn tới suy thoái rừng	2	2
4	Hệ quả của suy thoái rừng	2	2
5	Quan điểm và cách tiếp cận trong phục hồi hệ sinh thái rừng	5	3
6	Các giải pháp kỹ thuật cơ bản trong phục hồi hệ sinh thái rừng	4	3
7	Các chương trình, dự án và chính sách phục hồi rừng ở Việt Nam giai đoạn 1986 đến nay;	4	3
8	Những xu hướng và cách tiếp cận mới về phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới hiện nay.	2	
	Tổng cộng	23	15

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI SOẠN ĐỀ CƯƠNG

GS.TS. Võ Đại Hải

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **QUẢN LÝ BỀN VỮNG RỪNG NHIỆT ĐỚI**
- Mã học phần: LH812012
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Tổng số tín chỉ: 2 (1/1)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 15 tiết
- Thực hành: 30 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Trình bày khái niệm quản lý rừng bền vững
- Tổ chức thực hiện quản lý rừng nhiệt đới bền vững, cấp chứng chỉ rừng

7. Mô tả môn học

- Khái niệm quản lý rừng nhiệt đới bền vững
- Khái niệm chứng chỉ rừng
- Thực hiện quản lý rừng bền vững theo ba khía cạnh kinh tế - xã hội – môi trường.
- Các nguyên tắc, tiêu chuẩn cấp chứng chỉ rừng của FSC

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 36 tiết (vắng không quá 9 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Bảo Huy, 2017. Bài giảng Quản lý bền vững rừng nhiệt đới. Trường Đại học Tây Nguyên.

Sách tham khảo chính

1. FAO, 1998. Guidelines for the management of tropical forests
2. FSC, 2015. FSC Principles and criteria for forest stewardship. FSC-STD-01-001 V5-2 EN

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Khái niệm quản lý rừng nhiệt đới bền vững	2	4
Khái niệm chứng chỉ rừng	3	6
Thực hiện quản lý rừng bền vững theo ba khía cạnh kinh tế - xã hội – môi trường. - Quản lý rừng bền vững về kinh tế, kỹ thuật - Quản lý rừng bền vững về xã hội - Quản lý rừng bền vững về môi trường	5	10
Các nguyên tắc, tiêu chuẩn cấp chứng chỉ rừng của FSC - 10 nguyên tắc và các tiêu chuẩn FSC - Tiếp cận đề cấp chứng chỉ rừng FSC	5	10
Tổng cộng	15	30

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI SOẠN ĐỀ CƯƠNG

PGS.TS. Bảo Huy

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG**
- Mã học phần: LH812015
- Loại học phần: Bắt buộc

2. Tổng số tín chỉ: 2 (1.5/0.5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực hành: 15 tiết

5. Học phần tiên quyết: Đa dạng sinh học

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Phân loại và giải thích các dịch vụ môi trường rừng
- Tính toán, dự báo các giá trị dịch vụ môi trường rừng chủ yếu

7. Mô tả môn học

- Khái niệm dịch vụ môi trường rừng
- Phân loại dịch vụ môi trường
- Phương pháp lượng hóa một số giá trị môi trường rừng

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 38 tiết (vắng không quá 9 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập, thực hành được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Bảo Huy (2008): *Dịch vụ môi trường rừng (Dùng cho cao học lâm nghiệp)*. Đại học Tây Nguyên

Sách tham khảo

Tiếng Việt

1. Bảo Huy (2006): *Giải pháp xác lập cơ chế hưởng lợi trong quản lý rừng cộng đồng*. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 15/2006, trang 48-55.
2. Bảo Huy (2009): *Năng lực hấp thụ CO₂ của mô hình NLKH Bồi lời – Sản ở Tây nguyên*

Tiếng Anh

3. Bao Huy (2009): *Cabons equestration in Natiural Forest and Agorforestry*. SIDA, ICRAF

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương 1: Khái niệm và phân loại dịch vụ môi trường rừng - Khái niệm và vai trò dịch vụ môi trường rừng - Phân loại dịch vụ môi trường rừng - Ý nghĩa củ dịch vụ môi trường rừng trong quản lý tài nguyên rừng bền vững	8	5
Chương 2: Phương pháp lượng hóa một số giá trị môi trường - Cơ sở và nhu cầu lượng hóa giá trị dịch vụ môi trường - Lượng hóa giá trị rừng rừng đầu nguồn - Lượng hóa giá trị hấp thụ CO₂ của rừng - Lượng hóa giá trị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng	15	10

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS. Bảo Huy

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP**
- Mã học phần: **LH812001**
- Loại học phần: Tự chọn

2. Số tín chỉ: 2 (1,5/0,5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp, năm thứ 2 (học kỳ 3)

4. Phân bố thời gian

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực tế: 15 tiết ($7,5 \times 2 = 15$)

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Sử dụng một số chính sách để quản lý lâm nghiệp
- Quy hoạch, giao đất, đánh giá, quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp tổng hợp.

7. Mô tả các nội dung học phần

- Phân tích một số chính sách liên quan đến quản lý tài nguyên rừng,
- Quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp,
- Phương pháp đánh giá đất lâm nghiệp,
- Phương thức quản lý rừng tự nhiên,
- Sử dụng đất lâm nghiệp tổng hợp.
- Các hình thức tổ chức trong quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp ở Tây Nguyên.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực tế trên 2 TC
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập được giao

9. Tài liệu học tập

- *Sách, giáo trình chính*

Trần Trung Dũng, Nguyễn Văn Sanh (2017): *Bài giảng Quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp, (Dùng cho Cao học ngành Lâm nghiệp)*. Trường Đại học Tây Nguyên.

- *Sách tham khảo*

1. Nguyễn Ngọc Bình (2000), *Phân loại đất và Hệ thống sử dụng đất*, Giáo trình đất lâm nghiệp, NXB Nông nghiệp.
2. Tôn Thất Chiêu và tập thể tác giả (1996), *Đất Việt Nam* (Bản chú giải Bản đồ đất 1/1.000.000), NXBNN Hà Nội.
3. Lê Trọng Cúc, Đỗ Đình Sâm (1996), *Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường*, Trung tâm tài nguyên và môi trường, Đại học quốc gia Hà Nội. Nhà xuất bản Nông thôn 1996.
4. Trần Đình Đàn (2000), *Chính sách giao đất Lâm nghiệp và mạng lưới dịch vụ khuyến Nông khuyến lâm*. Bộ Nông nghiệp & PTNT.
5. Nguyễn Thị Thu Hoàn, Lê Sỹ Hồng (2012), *Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp*. Trường Đại học Thái Nguyên.
6. Dương Viết Tình (2008), *Giáo trình Quản lý đất Lâm nghiệp*, Đại học Huế.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm đánh giá phần thực tế/thảo luận: 30%
- Đánh giá điểm thông qua thi hết môn bằng hình thức thi trên máy tính: 70%

11. Thang điểm

Phần thực tế/thảo luận và kiểm tra/thi được đánh giá theo thang điểm 10

12. Nội dung chi tiết học phần

STT	Chương/mục	Số tiết
1.	Chương 1. Phân tích một số chính sách liên quan đến quản lý tài nguyên rừng	5
2.	Chương 2. Quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp	5
3.	Chương 3. Phương pháp đánh giá đất lâm nghiệp	6.5
4.	Chương 4. Phương thức quản lý rừng tự nhiên và sử dụng đất lâm nghiệp tổng hợp, các hình thức tổ chức trong quản lý và sử dụng đất lâm nghiệp ở Tây Nguyên.	6
5.	Thực tế	7,5 x 2=15
6.	TỔNG CỘNG	30

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI SOẠN ĐỀ CƯƠNG

TS. Nguyễn Văn Sanh
KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **QUẢN LÝ LỬA RỪNG**
- Mã học phần: LH812002
- Loại học phần: Tự chọn

2. Tổng số tín chỉ: 1 (1.0/0.0)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 15 tiết
- Thực hành: 0 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Nhận biết được nguyên nhân, tác hại và những bất cập trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng ở nước ta hiện nay;
- Nắm được phương pháp dự báo cháy rừng và các giải pháp phòng cháy chữa cháy rừng có hiệu quả

7. Mô tả môn học

- Khái quát về những thiệt hại do cháy rừng, phân tích nguyên nhân, phân loại cháy rừng và đánh giá những bất cập trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng ở nước ta hiện nay;

- Giới thiệu các phương pháp dự báo cháy rừng;
- Giới thiệu biện pháp phòng cháy rừng;
- Giới thiệu các biện pháp chữa cháy rừng có hiệu quả.

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp 12 tiết (vắng không quá 3 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 30 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập được giao

9. Tài liệu tham khảo

- Sách, giáo trình chính

1. Phạm Ngọc Hưng (1994) Phòng cháy chữa cháy rừng, Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà Nội.
2. Phạm Ngọc Hưng (2001) Thiên tai khô hạn cháy rừng và giải pháp phòng cháy chữa cháy rừng ở Việt Nam, Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà Nội.
3. Satendra and Kaushik, A.D. (2014) Forest Fire Disaster Management. National Institute of Disaster Management, Ministry of Home Affairs, New Delhi.
4. Schroeder MJ, Buck CC. (1970) Fire weather: A guide for application of meteorological information to forest fire control operations, USDA, Forest Service, Agriculture Handbook 360.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Tác hại, nguyên nhân và phân loại cháy rừng - Tác hại cháy rừng, - Nguyên nhân, - Phân loại cháy rừng, - Những bất cập trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng ở nước ta.	2	
Phương pháp dự báo cháy rừng - Dự báo theo chỉ số Nesterop - Dự báo cháy rừng theo chỉ tiêu độ ẩm vật liệu cháy.	5	
Biện pháp kỹ thuật phòng cháy rừng - Biện pháp lâm sinh, - Kênh phòng cháy rừng tràn, - Quy vùng sản xuất nương rẫy - Biện pháp làm giảm vật liệu cháy, - Tổ chức theo dõi, phát hiện lửa rừng, - Xây dựng hệ thống chòi canh phát hiện lửa rừng, - Xây dựng bản đồ nguy cơ cháy rừng ở vùng trọng điểm nguy cơ cháy rừng cao.	5	
Biện pháp kỹ thuật chữa cháy rừng - Các biện pháp chữa cháy rừng, - Kỹ thuật an toàn khi chữa cháy rừng, - Quy tắc phòng và chữa cháy rừng.	3	
Tổng cộng	15	

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

GS.TS. Phạm Quang Thu

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần: QUẢN LÝ SINH VẬT NGOẠI LAI XÂM LẤN

Mã học phần: LH812003

Loại học phần: Tự chọn

2. Tổng số tín chỉ: 1

3. Trình độ: Cho cao học viên học chuyên ngành Lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bổ thời gian

Lên lớp: 15 tiết

Thực hành: 0 tiết

5. Học phần tiên quyết: không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Nhận biết được đặc điểm hình thái, đặc điểm sinh học, sinh thái của một số loài thực vật, côn trùng, mầm bệnh ngoại lai xâm hại rừng;
- Đưa ra giải pháp quản lý các sinh vật ngoại lai xâm hại rừng có hiệu quả, bền vững, ít ảnh hưởng tới môi trường và đa dạng sinh học.

7. Mô tả môn học

- Khái quát về những thiệt hại do sinh vật ngoại lai xâm hại rừng ở trong và ngoài nước;
- Giới thiệu đặc điểm nhận biết, đặc điểm sinh học, sinh thái của một số loài ngoại lai xâm hại rừng chính bao gồm các loài ngoại lai là thực vật, côn trùng và sinh vật gây bệnh...;
- Giới thiệu biện pháp quản lý các loài sinh vật ngoại lai xâm hại rừng.

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Học viên phải dự học tại lớp cả lý thuyết và thực hành trên 12 tiết (vắng không quá 3 tiết);
- Tự học: Học viên phải bố trí thời gian tự học ở nhà, tham khảo tài liệu với thời gian 30 tiết;
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập được giao.

9. Tài liệu tham khảo

1. Asia-Pacific Forest Commission (2005) The Unwelcome guests, Proceeding of the Asia-Pacific Forest Invasive Species Conference,
2. Kunming, China, 17-23 August, 2003.FAO, Bangkok (Edited by Philip Mckenzie, Chris Brown, Sun Jianghua and Wu Jian).
3. Dang Thanh Tan, Pham Quang Thu and Bernard Dell (2012) Invasive Plant Species in the National Parks of Vietnam, Forests 2012, 3, 997-
4. 1016pp.
5. Julien Mic and White Graham (1997) Biological control of weeds: theory and practical application, ACIAR Monograph, N49, 192pp.
6. Sankaran KV., Suresh TA. (2013) Invasive alien plants in the forest of Asia and the Pacific, FAO, Regional Office for Asia and the Pacific, Bangkok.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần hoặc viết tiểu luận: 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Stt	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Khái quát những thiệt hại do các loài ngoại lai xâm hại rừng ở các nước trên thế giới và Việt Nam - Thiệt hại do các loài thực vật ngoại lai xâm hại rừng, - Thiệt hại do các loài côn trùng ngoại lai xâm hại rừng, - Thiệt hại do các mầm bệnh ngoại lai xâm hại rừng.	2	
2	Giới thiệu một số loài ngoại lai xâm hại rừng có ảnh hưởng lớn đến rừng và đa dạng sinh học ở Việt Nam - Danh mục các loài ngoại lai xâm hại rừng và ảnh hưởng của chúng đến rừng và đa dạng sinh học, - Đặc điểm sinh học của các loài ngoại lai xâm hại rừng và - Đặc điểm sinh thái của các loài ngoại lai xâm hại rừng.	5	
3	Kỹ thuật điều tra, đánh giá ảnh hưởng của sinh vật ngoại lai xâm hại rừng - Kỹ thuật điều tra đánh giá thực vật ngoại lai xâm hại rừng - Kỹ thuật điều tra đánh giá côn trùng ngoại lai xâm hại rừng - Kỹ thuật điều tra đánh giá mầm bệnh ngoại lai xâm hại rừng	5	
4	Kỹ thuật quản lý sinh vật ngoại lai xâm hại rừng - Biện pháp phát hiện sớm, cảnh báo và kiểm dịch - Phòng trừ thực vật ngoại lai xâm hại rừng - Phòng trừ côn trùng ngoại lai xâm hại rừng - Phòng trừ mầm bệnh ngoại lai xâm hại rừng.	3	
	Tổng cộng	15	0

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI SOẠN ĐỀ CƯƠNG



GS.TS. Phạm Quang Thu
KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **RỪNG VÀ SINH KẾ CỘNG ĐỒNG**
- Mã học phần: LH812013
- Loại học phần: Tự chọn

2. Số tín chỉ: 2 (1,5/0,5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp, năm thứ 2 (học kỳ 3)

4. Phân bố thời gian

- Lên lớp trên lớp: 23 tiết
- Thực hành/ thảo luận: 14 tiết (7 x 2 = 14)

5. Học phần tiên quyết

6. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Trình bày được vai trò của rừng trong sinh kế của cộng đồng
- Xác định các nguồn sinh kế cơ bản từ rừng với cộng đồng
- Phân tích được sự cân đối giữa sinh kế và bảo tồn trong quản lý rừng
- Vận dụng các nguyên tắc và thực hiện các bước cơ bản trong phân tích sinh kế
- Trình bày được vai trò của rừng đối với giảm nghèo trong bối cảnh lâm nghiệp và phát triển sinh kế

7. Mô tả các nội dung học phần

- Phần 1: Nhập môn - Vai trò của rừng và sinh kế lâm nghiệp,
- Phần 2: Các nguồn sinh kế chính từ rừng cho cộng đồng (gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ môi trường, REDD+)
- Phần 3: Sinh kế và bảo tồn
- Phần 4: Phân tích sinh kế,
- Phần 5: Giảm nghèo trong bối cảnh lâm nghiệp,
- Phần 6: Thị trường và phát triển doanh nghiệp lâm nghiệp cấp cộng đồng.

8. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 30 tiết (vắng không quá 8 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập, thực hành được giao

9. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

Sách tham khảo

1. Angelsen, A., Jagger, P., Babigumira, R., Belcher, B., Hogarth, N. J., Bauch, S., ... Wunder, S. (2014). Environmental Income and Rural Livelihoods: A Global-Comparative Analysis. *World Development*, 64(S1), S12–S28. <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2014.03.006>
2. ASFN, & NTFP-EP Asia. (2017). Supporting Community Forestry Enterprises with the ASEAN Strategic Action Plan for Small and Medium Enterprises.
3. Babigumira, R., Angelsen, A., Buis, M., Bauch, S., Sunderland, T., & Wunder, S. (2014). Forest Clearing in Rural Livelihoods: Household-Level Global-

- Comparative Evidence. *World Development*, 64(S1), S67–S79. <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2014.03.002>
4. Bảo Huy. (2007). Tiến trình và kết quả thử nghiệm quản lý rừng cộng đồng và cơ chế hưởng lợi - Đề xuất thể chế hóa ở tỉnh Dak Nong. Ha Noi, Viet Nam.
 5. Bảo Huy. (2009). Xây dựng cơ chế hưởng lợi trong quản lý rừng cộng đồng. In *Quản lý rừng Cộng đồng ở Việt Nam: Chính sách và Thực tiễn. Kỷ yếu hội thảo quốc gia về quản lý rừng cộng đồng* (Hà Nội, 5/6/2009) (pp. 43–54). Hà Nội, Việt Nam.
 6. Bộ NNPTNT. (2017). Báo cáo Tình hình thực hiện Quyết định 799/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động quốc gia về REDD+. Ha Noi, Viet Nam.
 7. Chính phủ. (2011). Báo cáo số 243 /BC-CP Tổng kết thực hiện Dự án “Trồng mới 5 triệu ha rừng” và Kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2011-2020.
 8. Chính Phủ. (2017). Chương trình Hành động quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các - bon rừng (Chương trình REDD+) tới năm 2030 (Quyết định 419/QĐ-TTg ngày 5/4/2017 của Thủ tướng Chính Phủ).
 9. Clements, T., Suon, S., Wilkie, D. S., & Milner-Gulland, E. J. (2014). Impacts of Protected Areas on Local Livelihoods in Cambodia. *World Development*, 64(S1), S12–S134. <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2014.03.008>
 10. Đặng Thanh Liêm. (2016). Lâm nghiệp cộng đồng và REDD+: Kinh nghiệm thực tiễn từ mô hình xây dựng Quỹ Carbon cộng đồng ở tỉnh Kon Tum.
 11. Dương Viết Tình, & Trần Hữu Nghị. (2012). *Lâm nghiệp Cộng Đồng ở Miền Trung Việt Nam*. TP Hồ Chí Minh, Việt Nam: Nhà xuất bản Nông nghiệp.
 12. Enters, T., & Nguyễn Quang Tân. (2009). Báo cáo đánh giá cuối kỳ: Dự án Chương trình thí điểm lâm nghiệp cộng đồng. Hà Nội, Việt Nam.
 13. FAO. (2012). *Unlocking the wealth of forests for community development: commercializing products from community forests. Expert Group meeting report.*
 14. FCPF REDD+ Việt Nam. (2016). Kết quả thực hiện Dự án hỗ trợ chuẩn bị sẵn sàng thực hiện REDD+ ở Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam.
 15. Gilmour, D., & Doan, D. (2008). *Mid-term Review Report of Community Forest Management Pilot Program*. Ha Noi, Viet Nam.
 16. Hess, J., & Tô Thị Thu Hương. (2011). Chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Việt Nam – Kết nối chủ rừng và người sử dụng dịch vụ môi trường rừng. RECOFTC - Trung tâm vì con người và rừng.
 17. Hoàng Liên Sơn, & Lê Trọng Hùng. (2012). Phân tích kết quả giao đất lâm nghiệp và phát triển sinh kế cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào tài nguyên rừng. In *Kỷ yếu hội thảo: Giao đất lâm nghiệp – Chính sách và Thực trạng tại Việt Nam* (pp. 19–30).
 18. Hoàng Xuân Đức. (2015). Khung pháp lý chưa rõ ràng, gỗ rừng trồng từ hợp pháp thành bất hợp pháp trong bối cảnh việt nam tham gia VPA/FLEGT. *Chuyên Đề Chính Sách: Thực Thi Lâm Luật - Quản Trị Rừng - Thương Mại Lâm Sản*, Quý III-IV, 8–13.
 19. Jagger, P., Luckert, M. M. K., Duchelle, A. E., Lund, J. F., & Sunderlin, W. D. (2014). Tenure and Forest Income: Observations from a Global Study on Forests and Poverty. *World Development*, 64(S1), S43–S55. <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2014.03.004>

20. Lương Quang Hùng, & Nguyễn Quang Tân. (2016). Cân đối trách nhiệm và quyền của cộng đồng địa phương: hướng đi cho mục tiêu quản lý rừng bền vững.
21. McNally, R., & Nguyen, T. C. (2016). Review of Viet Nam's National REDD + Action Programme and its Implementation. Ha Noi, Viet Nam.
22. NAFRI, & FAO. (2006). Non-wood forest product community-based enterprise development: a way for livelihood improvement in Lao People's Democratic Republic, 1–68. Retrieved from papers3://publication/uuid/0A623D27-9546-4213-A694-DE68EF259393
23. Nguyễn Bá Ngãi. (2009). Quản lý rừng Cộng đồng ở Việt Nam: Chính sách và Thực tiễn. In B. N. Nguyen & Q. T. Nguyen (Eds.), Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về Lâm nghiệp Cộng đồng (Vol. 5/6/2009, p. 86). Ha Noi, Viet Nam: Cục Lâm nghiệp, IUCN, RECOFTC.
24. Nguyễn Đình Tiến, Trần Đức Viên, & Nguyễn Thành Lâm. (2011). Tập trung quá nhiều vào bảo tồn rừng, thiếu hụt lương thực. Hà Nội, Việt Nam: RECOFTC - Trung tâm vì con người và rừng.
25. Nguyễn Quang Tân, & Lương Quang Hùng. (2015). Lâm nghiệp cộng đồng ở Việt Nam: Thành tựu, Thách thức và Hướng đi trong Tương lai. In Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Đổi mới đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.” Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam.
26. Nguyễn Quang Tân, & Thomas Sikor. (2012). Giao Đất Giao Rừng: Chính sách và Kết quả thực tiễn. Tạp Chí Dân Tộc Học, 176(2), 50–60.
27. Nguyễn Quang Tân, Nguyễn Hữu Dũng, Hoàng Huy Tuấn, Phan Triều Giang, Huỳnh Thu Ba, Ngô Trí Dũng, ... Kristin DeValue. (2014). Báo cáo Đánh giá quản trị có sự tham gia của các bên liên quan cho REDD+ tại tỉnh Lâm Đồng Việt Nam năm 2014. Hà Nội, Việt Nam: Tổng Cục Lâm nghiệp và Chương trình UN-REDD.
28. Nguyễn Quang Tân, Trần Ngọc Thanh, & Hoàng Huy Tuấn. (2009). Lâm nghiệp Cộng đồng và Giảm nghèo: Phân tích kết quả dự án từ các hoạt động triển khai tại hiện trường. Dự án Học hỏi về Quản trị rừng (FGLG).
29. Nguyễn Quang Tân, Trần Ngọc Thanh, & Hoàng Huy Tuấn. (2009). Quản lý rừng cộng đồng tại các tỉnh Đắk Lắk và Thừa Thiên Huế của Việt Nam: Tổng hợp các phát hiện từ khảo sát hiện trường. Hà Nội, Việt Nam.
30. Nguyễn Quang Tân, Yurdi Yasmi, Trần Ngọc Thanh, & Hoàng Huy Tuấn. (2008). Quản lý rừng cộng đồng cho ai? Những kinh nghiệm từ thực tiễn ở Việt Nam.
31. Nguyễn Thế Cường, & Nguyễn Quang Tân. (2016). Bảo đảm tính hợp pháp cho gỗ rừng trồng tại cấp hộ gia đình: Cần có những sửa đổi về chính sách và thực hiện. Chuyên Đề Chính Sách: Thực Thi Lâm Luật - Quản Trị Rừng - Thương Mại Lâm Sản, Quý IV, 1–10.
32. Nguyen, Q. T. (2011). Payment for Environmental Services in the Vietnam: An Analysis of the Pilot Project in Lam Dong Province. (H. Scheyvens, Ed.). Kanagawa, Japan: Institute for Global Environmental Strategies (IGES) - Forest Conservation, Livelihoods, and Rights Project. <https://doi.org/10.1177/1070496510368047>
33. Nguyen, Q. T., Nguyen, B. N., Tran, N. T., Yasmi, Y., & Sunderlin, W. (2008). Forest Tenure Reform in Viet Nam : Case Studies From the Northern Upland and Central Highlands Regions. Ha Noi, Viet Nam. Retrieved from http://www.recoftc.org/site/uploads/content/pdf/Forest_Tenure_Reform_Vietnam_53.pdf

34. Phạm Thu Thủy, Bennett, K., Vũ Tấn Phương, Brunner, J., Lê Ngọc Dũng, & Nguyễn Đình Tiến. (2013). Chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Việt Nam: Từ chính sách đến thực tiễn. Center for International Forestry Research (CIFOR).
35. Scoones, I. (1998) Sustainable Rural Livelihoods: A Framework for Analysis, IDS Working Paper 72, Brighton: IDS
36. Sharma, B. P., Lawry, S., Paudel, N. S., Adhikari, A., & Banjade, M. R. (2017). Has devolution of forest rights in Nepal enabled investment in locally controlled forest enterprises? In Annual World Bank Conference on Land and Poverty: “Responsible Land Governance: Towards an Evidence Based Approach.”
37. Sunderlin, W. D., & Huỳnh Thu Ba. (2005). Giảm Nghèo và Rừng ở Việt Nam. Center for International Forestry Research. Retrieved from http://www.cifor.org/publications/pdf_files/books/BSunderlin0501V0.pdf
38. Tô Xuân Phúc, & Trần Hữu Nghị. (2014). Báo cáo giao đất giao rừng trong bối cảnh tái cơ cấu ngành lâm nghiệp: Cơ hội phát triển rừng và cải thiện sinh kế vùng cao. Huế, Việt Nam: Tropenbos International Viet Nam.
39. Trần Ngọc Thanh, & Trần Ngọc Đan Thùy. (2011). Đánh giá Chương trình Giao đất Giao rừng: Vấn đề chia sẻ lợi ích từ rừng. Hội Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp tỉnh Dak Lak.
40. Wunder, S., Angelsen, A., & Belcher, B. (2014). Forests, Livelihoods, and Conservation: Broadening the Empirical Base. World Development, 64(S1), S1–S11. <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2014.03.007>
41. Wunder, S., Börner, J., Shively, G., & Wyman, M. (2014). Safety Nets, Gap Filling and Forests: A Global-Comparative Perspective. World Development, 64(S1), S29–S42. <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2014.03.005>

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm đánh giá phần thực hành/thảo luận: 50%
- Đánh giá điểm thi hết môn bằng hình thức tự luận: 50%

11. Thang điểm

Phần thực hành/thảo luận và kiểm tra/thi đánh giá theo thang điểm 10

12. Nội dung chi tiết học phần

STT	Chương/mục	Số tiết	
		LT	TH
1.	Phần 1: Nhập môn - Vai trò của rừng và sinh kế lâm nghiệp	2	
2.	Phần 2: Các nguồn sinh kế chính từ rừng cho cộng đồng (gỗ, lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ môi trường, REDD+)	6	6
3.	Phần 3: Sinh kế và bảo tồn	4	
4.	Phần 4: Phân tích sinh kế	5	3
5.	Phần 5: Giảm nghèo trong bối cảnh lâm nghiệp,	3	3
6.	Phần 6: Thị trường và phát triển doanh nghiệp lâm nghiệp cấp cộng đồng.	3	3

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI SOẠN ĐỀ CƯƠNG

TS. Nguyễn Quang Tân

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **KIẾN THỨC SINH THÁI ĐỊA PHƯƠNG TRONG LÂM NGHIỆP**

- Mã học phần: LH812014

- Loại học phần: Tự chọn

2. Tổng số tín chỉ: 2 (1.5/0.5)

3. **Trình độ:** Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp

4. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 23 tiết

- Thực hành: 15 tiết

5. Học phần tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Trình bày khái niệm LEK
- Tiếp cận thu thập LEK
- Sử dụng phần mềm WinAKT quản lý LEK

7. Mô tả môn học

- Khái niệm LEK
- Phương pháp thu thập LEK
- Nhập và quản lý LEK trong WinAKT

8. Yêu cầu đối với học viên, trang thiết bị giảng dạy

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 38 tiết (vắng không quá 9 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập, thực hành được giao

9. Tài liệu tham khảo

Sách, giáo trình chính

Bảo Huy (2008): *Hướng dẫn sử dụng phần mềm WinAKT trong quản lý kiến thức sinh thái địa phương (Dùng cho cao học lâm nghiệp)*. Đại học Tây Nguyên

Võ Hùng (2015). *Kiến thức sinh thái địa phương (LEK) trong lâm nghiệp*. (Bài giảng Dùng cho cao học lâm nghiệp). Trường Đại học Tây Nguyên.

Sách tham khảo

Tiếng Việt

1. Nguyễn Hữu Hòa (2007), *Nghiên cứu kiến thức sinh thái địa phương của dân tộc thiểu số Jrai phục vụ quản lý rừng dựa vào cộng đồng tại huyện EaH'leo tỉnh Đắk Lắk*. Luận văn thạc sỹ lâm nghiệp. Đại học Lâm Nghiệp Việt Nam.
2. Bảo Huy, Võ Hùng (2003): *Kiến thức sinh thái địa phương trong canh tác nương rẫy và quản lý tài nguyên rừng của cộng đồng dân tộc thiểu số Tây Nguyên*. Mạng lưới Giáo dục Nông lâm kết hợp Việt Nam (VNAFE).
3. Bảo Huy (2006): *Hướng dẫn kỹ thuật trong quản lý rừng cộng đồng*. ETSP, Helvetas Việt Nam, Hà Nội.
4. Cao Thị Lý, Bảo Huy (2005): *Nghiên cứu mối quan hệ sinh thái với thực vật thân gỗ là cơ sở phục hồi rừng khớp theo mục tiêu đa dạng sinh học ở vườn quốc gia Yok Don*. NAGAO, Nhật Bản.

5. Bảo Huy, Võ Hùng và nnk (2005), *Xây dựng mô hình quản lý rừng và đất rừng dựa vào cộng đồng dân tộc thiểu số Jrai và Bahnar, tỉnh Gia Lai*, UBND tỉnh Gia Lai, Sở Khoa học và Công nghệ.
6. Bảo Huy, Võ Hùng và nnk (2004). *Kiến thức sinh thái địa phương trong quản lý tài nguyên rừng của cộng đồng dân tộc thiểu số Jrai và Bahnar*. UBND tỉnh Gia Lai, Sở Khoa học và Công nghệ.
7. Peter Erskine (Đại học Queensland), Bảo Huy và Võ Hùng (2003): *Nhu cầu phục hồi rừng ở Vườn quốc gia Yok Don*. IUCN
8. Hoàng Xuân Tý & Lê Trọng Cúc (1998), *Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

Tiếng Anh

9. Dixon, H.J., Doores, J.W., Joshi, L. and Sinclair, F.L. (1999), *Agroforestry Knowledge Toolkit for Windows (WinAKT)- Methodology Guidelines, Computer Software and Manual*. ICRAF, School of Agricultural and Forest Sciences, University of Wales, Banggos.
10. IIRR (1999), *Recording and using Indigenous Knowledge, A manual*.
11. ICRAF (2014): *Guideline on WinAKT for management of LEK*.

10. Phương pháp đánh giá môn học

- Chuyên cần, kiểm tra: 30%
- Thi hết học phần (hoặc viết tiểu luận): 70%

11. Thang điểm: 10

12. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	
	LT	TH
Chương 1: Khái niệm LEK - Vai trò của kiến thức sinh thái địa phương trong quản lý và phát triển rừng - Khái niệm LEK	8	0
Chương 2: Phương pháp thu thập LEK - Phân loại LEK - Phương pháp thu thập: Sơ đồ, phỏng vấn, quan sát, thẩm định,	10	2
Chương 3: Nhập và quản lý LEK trong WinAKT - Các kiểu kiến thức LEK - Nhập lệnh trong phần mềm - Quản lý cơ sở dữ liệu LEK trong phần mềm WinAKT	5	2
Thực hành - Phương pháp thảo luận, phỏng vấn và sơ đồ hóa hình thành các mệnh đề về kiến thức sinh thái địa phương - Sử dụng phần mềm Win AKT 5.0 để nhập, hệ thống hóa và lưu giữ kiến thức sinh thái địa phương		3 8

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Võ Hùng

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **CÂY XANH ĐÔ THỊ**
- Mã học phần: LH812016
- Loại học phần: Tự chọn

2. Số tín chỉ: 2 (1,5/0,5)

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp, năm thứ 2 (học kỳ 2)

4. Phân bố thời gian

- Lên lớp: 23 tiết
- Thực hành/thảo luận: 14 tiết ($7 \times 2 = 14$)

5. Học phần tiên quyết

6. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Trình bày được vai trò chức năng và các giải pháp kỹ thuật áp dụng cho các loại hình cây xanh đô thị
- Ứng dụng những kỹ thuật áp dụng cho cây xanh đô thị và lập kế hoạch quản lý và phát triển hệ thống cây xanh đô thị cho 1 thành phố, 1 đô thị.

7. Mô tả các nội dung học phần

- Chương 1: Vai trò, chức năng của cây xanh đô thị
- Chương 2: Điều kiện sinh trưởng của cây xanh trong môi trường đô thị
- Chương 3: Các giải pháp kỹ thuật áp dụng cho các loại hình cây xanh đô thị
- Chương 4: Quản lý và phát triển hệ thống cây xanh đô thị

8. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 30 tiết (vắng không quá 7 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập, thực hành được giao

9. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

Sách tham khảo

1. Gene W. Grey and Federick J. Deneke (1992). Urban forestry. Published by Krieger Pub Co .USA
2. Robert W. Miller (1988). Urban forestry – Planning and Managing Urban Greenspaces. Published by Prentice Hall, USA
3. Jari Niemela et all (2011). Urban ecology – Patterns, Processes and Applications. Oxford University Prress. USA
4. Theodore D. Walker (1991). Planting design. Second edition. Publisher Van Nostrand Reinhold, New York. USA.
5. Leroy G. Hannebaum, 1998. Landscape design A practical Approach, Fourth edition. NXB Prentice Hall, Upper Saddle River, New Jersey 07458. USA.
6. National Parks Board, 2009. Trees of Our Garden City. N' Park Publication. Singapore

7. C.M.Boo, Sharon Y.J.Chew, Jean W.H.Yong (2014). Plants and tropical cities. N' Park Publication .Singapore
8. Chế Đình Lý (1997). Quản lý và phát triển cây xanh trong môi trường đô thị. Nhà xuất bản Nông nghiệp chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
9. Đình Quang Diệp (2008). Quản lý cây xanh đô thị. Tủ sách Bộ môn Công nghệ Rau Hoa Quả và Cảnh quan, Học viện Nông nghiệp Hà Nội.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm đánh giá phần thực hành/thảo luận: 30%
- Đánh giá điểm thi hết môn bằng hình thức tự luận: 70%

11. Thang điểm

Phần thực hành/thảo luận và kiểm tra/thi đánh giá theo thang điểm 10

12. Nội dung chi tiết học phần

STT	Chương/mục	Số tiết
1	Chương 1: Vai trò chức năng của cây xanh đô thị	4
2	Chương 2: Điều kiện sinh trưởng của cây xanh đô thị	3
3	Chương 3: Các giải pháp kỹ thuật áp dụng cho các loại hình cây xanh đô thị	10
4	Chương 4: Quản lý và phát triển hệ thống cây xanh đô thị	6
5	Seminar	4
6	Thực hành	3
7		30

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI SOẠN ĐỀ CƯƠNG

TS. Đình Quang Diệp

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH LÂM NGHIỆP**
- Mã học phần: LH812017
- Loại học phần: Tự chọn

2. Số tín chỉ: 2

3. Trình độ: Cho học viên cao học chuyên ngành lâm học, ngành Lâm nghiệp, năm thứ 2 (học kỳ 3)

4. Phân bố thời gian

- Lên lớp trên lớp: 24 tiết
- Thực hành/ thảo luận: 14 tiết (7 x 2 = 14)

5. Học phần tiên quyết

6. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần, học viên có khả năng:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chính sách và vai trò của phân tích sách
- Thực hiện các công cụ chính, các bước cơ bản trong phân tích chính sách
- Thiết kế một đề cương nghiên cứu (phân tích) chính sách
- Viết một bản tin chính sách dựa trên kết quả phân tích

7. Mô tả các nội dung học phần

- Phần 1: Nhập môn - Giới thiệu về chính sách lâm nghiệp và các phương pháp tiếp cận khác nhau trong phân tích chính sách lâm nghiệp,
- Phần 2: Chính sách và thể chế lâm nghiệp,
- Phần 3: Các biện pháp và công cụ phân tích chính sách,
- Phần 4: Các bước trong tiến trình phân tích chính sách,
- Phần 5: Cách viết một đề cương nghiên cứu (phân tích) chính sách;
- Phần 6: Cách viết một bản tin chính sách (policy brief).

8. Nhiệm vụ của học viên

- Dự lớp: Sinh viên phải dự học tại lớp và thực hành trên 30 tiết (vắng không quá 8 tiết)
- Tự học: Sinh viên phải bố trí tự học và tham khảo tài liệu ở nhà 60 tiết
- Bài tập/thực hành: Hoàn thành các bài tập, thực hành được giao

9. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình chính

RECOFTC, & SEANAFE. (2008). Teaching Forest Policy Analysis. A Guide for Forestry Universities.

Sách tham khảo

1. Bardach, E., 2000. A Practical Guide for Policy Analysis: The Eightfold Path to More Effective Problem Solving. Chatham House Publishers. New York.
2. Durst, P., C. Brown, J. Broadhead, R. Suzuki, R. Leslie and A. Inoguchi, eds. 2008. Re-inventing Forestry Agencies – Experiences of Institutional Restructuring in Asia and the Pacific. Asia-Pacific Forestry Commission. FAO-RAP Publication 2008/5. Bangkok. (Overview re-inventing forestry institutions, p.1-6). (Available at: <http://www.fao.org/docrep/010/ai412e/ai412e00.htm>)

3. Edmunds, D. and E. Wollenberg. 1991. Historical perspectives on forest policy change in Asia. An introduction. *Environmental History*, 6 (2)190-212. (Available at: <http://www.environmentalhistory.net/issues/6-2.htm>)
4. FAO. 2006. Understanding National Forest Programmes. Guidance for Practitioners. The National Forest Programme Facility, FAO, Rome (Available at: <http://www.nfp-facility.org/18735-1-0.pdf>)
5. Gilmour, D.A., P.B. Durst and K. Shono. 2007. Reaching Consensus-Multi-Stakeholder Processes in Forestry: Experiences from the Asia-Pacific Region, Asia-Pacific Forestry Commission, FAO-RAP, Bangkok. (Focus on Chapters 1, 2, 4 and 5, scan Chapter3). (Available at: <ftp://ftp.fao.org/docrep/fao/010/ai390e/ai390e00.pdf>)
6. Hartono, B.T. 2002. Can Forest Plantations Alleviate Pressure on Natural Forests? An Efficiency Analysis in Indonesia. EEPSEA Research Paper. IDRC, Ottawa. (Available at: http://www.idrc.ca/eeepsea/ev-25332-201-1-DO_TOPIC.html)
7. Kamieniecki, S. 2000. Testing alternative theories of agenda setting: forest policy change in British Columbia, Canada. *Policy Studies Journal*, Vol. 28, No. 1, 2000. pp. 176-189.
8. Larson, A.M. 2004. Democratic Decentralisation in the Forestry Sector: Lessons Learned from Africa, Asia and Latin America, CIFOR. http://www.cifor.cgiar.org/publications/pdf_files/interlaken/Anne_Larson.pdf
9. Larson, A.M. and J. C. Ribot. 2007. The poverty of forestry policy: double standards on an uneven playing field. *Sustainability Science*, Volume 2, Number 2/ October, 2007. (Available at: http://pdf.wri.org/sustainability_science_poverty_of_forestry_policy.pdf)
10. Mayers, J. and Bass, S. 1999. Executive Summary, p. i-xiii. In: Policy that works for Forests and People. Policy that Works Series No. 7: Series Overview. International Institute for Environment and Development, London. (Available at: <http://www.iied.org/pubs/display.php?o=9276IIED&n=4 &l=21&s=FPTW>)
11. Merlo, M. and M. Paveri. 1997. Formation and implementation of forest policies: a focus on the policy tools mix. In: FAO, 1997. Formulation, Analysis and Implementation of Forestry Policies, Proceedings of the XI World Forestry Congress. Vol. 5, Topic 32, p. 233-254. Rome. http://www.fao.org/forestry/docrep/wfcxi/PUBLI/PDF/V5E_T32.PDF
12. Nabangchang, Orapan. 2008. Private Contributions Towards the Provision of Public Goods: The Conservation of Thailand's Endangered Species. EEPSEA Research Report No. 2008-RR7, IDRC, Ottawa. (Available at: <http://www.idrc.ca/uploads/user-S/12429628791OrapanRR7.pdf>)
13. O' Hara, P. 2009. Enhancing Stakeholder Participation in National Forest Programmes. Tools for Practitioners. The National Forest Programme Facility, FAO, Rome. (p.1-21) (Available at: <http://www.nfp-facility.org/18939-1-0.pdf>)
14. Open University. The Public Policy-Action Relationship. Learning Space. <http://openlearn.open.ac.uk/mod/resource/view.php?id=183048&direct=1>
15. Ostrom, E. 2008. Design Principles of Robust Property-Rights Institutions: What Have We Learned? Workshop in Political Theory and Policy Analysis, Indiana University and Center for the Study of Institutional Diversity, Arizona State University. (Available at: <http://dlc.dlib.indiana.edu/dlc/handle/10535/3785>)

16. Othman, M.S.H. and A.N.A. Ghani. 2002. Responses of Timber Concessionaires to Selected Policy Instruments: The Case of Peninsular Malaysia. EEPSEA Research Report, No. 2003-RR1. IDRC, Ottawa. (Available at: http://www.idrc.ca/eeepsea/ev-33035-201-1-DO_TOPIC.html)
17. Pettenella, D. 1997. New trends in public forestry administration. In: FAO, 1997. Formulation, Analysis and Implementation of Forestry Policies, Proceedings of the XI World Forestry Congress. Vol. 5, Topic 31, p. 215-222. Rome. (Available at: <http://www.fao.org/forestry/docrep/wfcxi/PUBLI/V5/T31E/1.HTM#TOP>)
18. Polski, M.M. and E. Ostrom. 1999. An Institutional Framework for Policy Analysis and Design. Workshop in Political Theory and Policy Analysis, Department of Political Science, Indiana University, W98-27. <http://mason.gmu.edu/~mpolski/documents/PolskiOstromIAD.pdf>
19. Ross, M.L. 2001. Timber Booms and Institutional Breakdown in Southeast Asia. Cambridge University Press. Cambridge, England.
20. Sabatier, P.A. 1999. The need for better theories, Chapter 1, p. 3-13. In: Sabatier, P.A., 1999. Theories of the Policy Process. WestView Press, Boulder, USA.
21. Vatn, A. and A. Angelsen. 2009. Options for a national REDD+ architecture. Chapter 5, pp. 57-74, In: Angelsen, A. with Brockhaus, M., Kanninen, M., Sills, E., Sunderlin, W. D. and Wertz-Kanounnikoff, S., eds. 2009. Realising REDD+: National Strategy and Policy Options. CIFOR, Bogor, Indonesia. (Available at: <http://www.cifor.cgiar.org/Knowledge/Publications/Detail?pid=2871>)

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên

- Điểm đánh giá phần thực hành/thảo luận: 50%
- Đánh giá điểm thi hết môn bằng hình thức tự luận: 50%

11. Thang điểm

Phần thực hành/thảo luận và kiểm tra/thi đánh giá theo thang điểm 10

12. Nội dung chi tiết học phần

STT	Chương/mục	Số tiết
7.	Phần 1: Nhập môn - Giới thiệu về chính sách lâm nghiệp và các phương pháp tiếp cận trong phân tích chính sách lâm nghiệp,	5
8.	Phần 2: Chính sách và thể chế lâm nghiệp,	5
9.	Phần 3: Các biện pháp và công cụ phân tích chính sách,	6
10.	Phần 4: Các bước trong tiến trình phân tích chính sách,	10
11.	Phần 5: Cách viết đề cương nghiên cứu (phân tích) chính sách;	6
12.	Phần 6: Cách viết một bản tin chính sách (policy brief).	6

NGƯỜI PHẢN BIỆN

NGƯỜI SOẠN ĐỀ CƯƠNG

TS. Nguyễn Quang Tân

KHOA NÔNG LÂM NGHIỆP